

Luật số:...../...../QH

Dự thảo 4
Ngày 31/8/2023

LUẬT

TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, bao gồm: Quy tắc giao thông đường bộ; phương tiện giao thông đường bộ; người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ; chỉ huy, điều khiển giao thông đường bộ; tuần tra, kiểm soát về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; giải quyết tai nạn giao thông đường bộ; quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến trật tự, an toàn giao thông đường bộ trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Trật tự, an toàn giao thông đường bộ* là các quy tắc, nguyên tắc mà người tham gia giao thông phải chấp hành bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. *Tuần tra, kiểm soát về trật tự, an toàn giao thông đường bộ* là hoạt động quan sát, nắm tình hình người, phương tiện tham gia giao thông đường bộ, phòng ngừa, kiểm tra, phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và vi phạm pháp luật khác nhằm bảo đảm an toàn về tính mạng,

sức khỏe, tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Lực lượng Cảnh sát giao thông chủ trì tuần tra, kiểm soát trên các tuyến giao thông đường bộ.

3. *Kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ* là hoạt động kiểm tra việc chấp hành các quy định về quy tắc giao thông đường bộ; điều kiện của phương tiện tham gia giao thông đường bộ; điều kiện của người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ; các quy định về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

4. *Đường ưu tiên* là đường mà trên đó phương tiện tham gia giao thông được các phương tiện tham gia giao thông đến từ hướng khác nhường đường khi qua nơi đường giao nhau.

5. *Phần đường xe chạy* là phần của đường bộ được sử dụng cho phương tiện giao thông đi lại.

6. *Làn đường* là một phần của phần đường xe chạy được chia theo chiều dọc của đường, có đủ bề rộng cho xe chạy an toàn.

7. *Người tham gia giao thông đường bộ* gồm người điều khiển, người được chở trên phương tiện tham gia giao thông đường bộ; người điều khiển, dẫn dắt vật nuôi, người đi bộ trên đường bộ.

8. *Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ* gồm người điều khiển xe cơ giới, xe thô sơ, xe máy chuyên dùng.

9. *Người lái xe* là người điều khiển xe cơ giới.

10. *Người điều khiển giao thông* là Cảnh sát giao thông; người được giao nhiệm vụ hướng dẫn giao thông trên đường bộ.

11. *Phương tiện giao thông đường bộ* (sau đây gọi là xe) gồm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, phương tiện giao thông thô sơ đường bộ và xe máy chuyên dùng.

12. *Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ* (sau đây gọi là xe cơ giới) gồm: xe ô tô; rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi xe ô tô; xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ; xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; xe mô tô; xe gắn máy và các loại xe tương tự kể cả phương tiện giao thông thông minh.

13. *Phương tiện giao thông thô sơ đường bộ* (sau đây gọi là xe thô sơ) gồm: xe đạp, xe đạp máy (kể cả xe đạp điện), xe xích lô, xe lăn dùng cho người khuyết tật, xe súc vật kéo và các loại xe tương tự.

14. *Xe máy chuyên dùng* gồm xe máy thi công; xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy kéo; rơ moóc, sơ mi rơ moóc được kéo bởi máy kéo; xe máy thực hiện chức năng, công dụng đặc biệt và các loại xe đặc chủng khác sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

15. *Phương tiện giao thông thông minh* là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ cho phép tự động hóa nhiệm vụ lái xe và tự xử lý các tình huống, đồng thời xác định lộ trình khi tham gia giao thông.

16. *Xe ô tô* là xe cơ giới có từ bốn bánh trở lên chạy bằng động cơ, được thiết kế, sản xuất để hoạt động trên đường bộ, không chạy trên đường ray; dùng để chở người, hàng hóa, kéo rơ moóc, kéo sơ mi rơ moóc, có thể có kết cấu để thực hiện chức năng, công dụng đặc biệt; xe ô tô bao gồm cả xe được nối với đường dây dẫn điện, xe ba bánh có khối lượng bản thân lớn hơn 400 kg. Xe ô tô không bao gồm các xe quy định tại khoản 33, khoản 34 Điều này.

17. *Xe ô tô chở người* là xe ô tô có kết cấu và trang bị chủ yếu dùng để chở người, hành lý, hàng hoá ký gửi, có thể được thiết kế, sản xuất để kéo theo rơ moóc.

18. *Xe ô tô con* là xe ô tô chở người được thiết kế, sản xuất có số người cho phép chở kể cả người lái dưới 10 người.

19. *Xe ô tô khách* là xe ô tô chở người được thiết kế, sản xuất có số người cho phép chở kể cả người lái từ 10 người trở lên, trên xe không bố trí chỗ đứng cho hành khách.

20. *Xe ô tô khách thành phố* là xe ô tô chở người được thiết kế, sản xuất có số người cho phép chở kể cả người lái từ 17 người trở lên; trên xe có bố trí các ghế ngồi, chỗ đứng cho hành khách; có kết cấu và trang bị để vận chuyển hành khách trong đô thị và vùng lân cận, cho phép hành khách lên, xuống xe phù hợp với việc dùng, đỗ xe thường xuyên.

21. *Xe ô tô chở hàng (ô tô tải)* là xe ô tô có kết cấu và trang bị chủ yếu dùng để chở hàng hoá, trong ca bin có tối đa hai hàng ghế và chở được tối đa 06 người ngồi, có thể được thiết kế, sản xuất để kéo theo rơ moóc.

22. *Xe ô tô chở hàng chuyên dùng* (ô tô tải chuyên dùng) là xe ô tô chở hàng có kết cấu và trang bị đặc biệt để chuyên chở một loại hàng hoá nhất định, có thể được thiết kế, sản xuất để kéo theo rơ moóc.

23. *Ô tô chở người chuyên dùng* là ô tô chở người có kết cấu và trang bị để thực hiện một chức năng, công dụng đặc biệt.

24. *Xe ô tô chuyên dùng* là xe ô tô có kết cấu và trang bị để thực hiện chức năng, công dụng đặc biệt, có thể được thiết kế, sản xuất để kéo theo rơ moóc.

25. *Rơ moóc* là xe cơ giới không có động cơ để di chuyển, được thiết kế, sản xuất để hoạt động trên đường bộ, được kéo bởi xe ô tô; phần chủ yếu của khối lượng toàn bộ rơ moóc không đặt lên xe kéo.

26. *Sơ mi rơ moóc* là xe cơ giới không có động cơ để di chuyển; được thiết kế, sản xuất để hoạt động trên đường bộ; được kéo bởi xe ô tô đầu kéo và có một phần đáng kể khối lượng toàn bộ đặt lên ô tô đầu kéo.

27. *Xe ô tô kéo rơ moóc* là xe ô tô được thiết kế, sản xuất chỉ để kéo rơ moóc.

28. *Xe ô tô đầu kéo* là xe ô tô được thiết kế, sản xuất để kéo sơ mi rơ moóc; có thể được thiết kế, sản xuất để kéo theo rơ moóc.

29. *Xe đạp* là xe thô sơ có ít nhất hai bánh và vận hành do sức người thông qua bàn đạp hoặc tay quay.

30. *Xe đạp máy* (kể cả xe đạp điện) là xe đạp, có trợ lực từ động cơ, có khối lượng bản thân không quá 25 kg, nguồn động lực từ động cơ bị ngắt khi người lái xe dừng đạp hoặc khi xe đạt tới tốc độ 25 km/h; đối với xe đạp sử dụng động cơ điện, công suất lớn nhất của động cơ không lớn hơn 250W.

31. *Xe gắn máy* là xe cơ giới có hai hoặc ba bánh chạy bằng động cơ được thiết kế, chế tạo để hoạt động trên đường bộ, có vận tốc thiết kế không lớn hơn 50 km/h; nếu động cơ dẫn động là động cơ nhiệt thì dung tích làm việc hoặc dung tích tương đương không được lớn hơn 50 cm³; nếu động cơ dẫn động là động cơ điện thì công suất lớn nhất của động cơ không lớn hơn 4 kW. Xe gắn máy không bao gồm xe đạp máy nêu tại khoản 30 Điều này.

32. *Xe mô tô* là xe cơ giới có hai hoặc ba bánh chạy bằng động cơ, được thiết kế, sản xuất để hoạt động trên đường bộ và không bao gồm xe gắn máy nêu

tại khoản 31 Điều này. Đối với xe ba bánh thì khối lượng bản thân không lớn hơn 400 kg.

33. *Xe chở người bốn bánh có gắn động cơ* là xe cơ giới có từ bốn bánh trở lên, chạy bằng động cơ được thiết kế, chế tạo để hoạt động trên đường bộ, có kết cấu để chở người, vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 30 km/h, số người cho phép chở tối đa không quá 16 người (kể cả người lái).

34. *Xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ* là xe cơ giới có từ bốn bánh trở lên, chạy bằng động cơ được thiết kế, chế tạo để hoạt động trên đường bộ, có kết cấu để chở hàng, có phần động cơ và thùng hàng lắp trên cùng một khung xe, có tối đa hai hàng ghế và chở được tối đa 06 người ngồi, vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 60 km/h và khối lượng bản thân không lớn hơn 550 kg; trường hợp xe sử dụng động cơ điện thì có công suất động cơ lớn nhất không lớn hơn 15 kW.

35. *Phụ tùng xe cơ giới* là các hệ thống, tổng thành, thiết bị, linh kiện dùng để sản xuất, lắp ráp xe cơ giới hoặc thay thế các bộ phận nguyên bản của xe cơ giới.

36. *Xe ưu tiên* gồm xe chữa cháy, Xe cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy đi làm nhiệm vụ; xe quân sự, xe công an đi làm nhiệm vụ khẩn cấp, đoàn xe có xe Cảnh sát giao thông dẫn đường; xe cứu thương đi làm nhiệm vụ cấp cứu; xe hộ đê, xe đi làm nhiệm vụ khắc phục sự cố thiên tai, dịch bệnh hoặc xe đi làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp; đoàn xe tang.

37. *Số biển số* là tập hợp các ký tự bao gồm chữ và số được kết cấu theo quy định, cấp cho phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe máy chuyên dùng phục vụ công tác quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

38. *Thiết bị chỉ huy giao thông thông minh* là thiết bị kỹ thuật công nghệ có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá các tình huống giao thông đường bộ, vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và độc lập ra quyết định chỉ huy, điều khiển giải quyết các tình huống để bảo đảm giao thông trật tự, an toàn.

39. *Ùn tắc giao thông* là tình trạng phương tiện giao thông bị dồn ứ, di chuyển với tốc độ rất chậm hoặc không thể di chuyển được.

40. *Tai nạn giao thông đường bộ* là sự việc xảy ra khi người, phương tiện tham gia giao thông trên đường bộ hoặc ở các địa bàn giao thông khác nhưng do

chủ quan, vi phạm các quy tắc an toàn giao thông đường bộ hoặc do gặp phải các tình huống, sự cố đột xuất không kịp phòng tránh, đã gây ra những thiệt hại nhất định cho tính mạng, sức khỏe con người hoặc tài sản.

41. *Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ* là giấy chứng nhận do cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cấp cho người có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

42. *Cơ sở đăng kiểm* là tổ chức, đơn vị thực hiện kiểm định, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng theo quy định.

43. *Cơ quan đăng ký xe* là cơ quan được giao thực hiện cấp, thu hồi đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.

44. *Thiết bị an toàn cho trẻ em trên xe ô tô* là thiết bị được thiết kế để giảm nguy cơ thương tích cho trẻ, hạn chế khả năng cơ thể trẻ bị dịch chuyển trong trường hợp phương tiện tham gia giao thông va chạm hoặc giảm tốc độ đột ngột.

Điều 4. Nguyên tắc bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông; phòng ngừa tai nạn, vi phạm trật tự, an toàn giao thông và ùn tắc giao thông; bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản của cơ quan, tổ chức và cá nhân.

2. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

3. Người tham gia giao thông phải chấp hành các quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, có trách nhiệm giữ an toàn cho mình và cho người khác.

4. Mọi hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

5. Công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ được thực hiện thống nhất trên cơ sở phân công, phân cấp tối đa theo hướng giảm tải cho Trung ương, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

1. Huy động, sử dụng các nguồn lực bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Quan tâm đầu tư ngân sách, cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị và

các điều kiện bảo đảm phục vụ cho các lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Nâng cao năng lực quản lý, điều hành, phối hợp của các lực lượng trong bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Hiện đại hoá các trung tâm chỉ huy giao thông; kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ giữa các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

3. Tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học, công nghệ trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ; khuyến khích tổ chức, cá nhân tự nguyện tham gia phối hợp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ phù hợp với các quy định pháp luật.

4. Tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, có thành tích thì được khen thưởng; bị thiệt hại về tài sản thì được đền bù; bị tổn hại về danh dự, nhân phẩm thì được khôi phục; người bị thương, tổn hại về sức khỏe, tính mạng thì bản thân, gia đình được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

5. Phát triển phương tiện đồng bộ với phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và nhu cầu vận tải; sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu phương tiện giao thông bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phù hợp với xu hướng phát triển công nghệ phương tiện trên thế giới; ưu tiên chuyển đổi phương tiện sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang phương tiện sử dụng điện, năng lượng xanh, thân thiện môi trường, hạ tầng cung cấp năng lượng sạch.

Điều 6. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

1. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ được thực hiện thường xuyên và rộng rãi.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ chịu trách nhiệm chính trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan truyền thông, báo chí có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

3. Cơ quan thông tin, truyền thông có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ trên các phương tiện thông tin đại chúng.

4. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, có hình thức tuyên truyền, phổ biến phù hợp với từng đối tượng tại địa phương.

5. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo chủ trì, phối hợp với cơ quan Công an có trách nhiệm tích hợp, lồng ghép kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ vào chương trình giảng dạy trong nhà trường và các cơ sở giáo dục khác phù hợp với từng ngành học, cấp học.

6. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm phối hợp với cơ quan hữu quan và chính quyền địa phương tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

7. Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ cho cán bộ, chiến sĩ, công chức, viên chức, người lao động khác thuộc thẩm quyền quản lý.

8. Thành viên trong gia đình có trách nhiệm tuyên truyền, giáo dục, nhắc nhở thành viên khác chấp hành pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Điều 7. Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

1. Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, gồm:

a) Cơ sở dữ liệu đăng ký, quản lý xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; cơ sở dữ liệu về đăng kiểm xe cơ giới, xe máy chuyên dùng;

b) Cơ sở dữ liệu người điều khiển xe cơ giới, xe máy chuyên dùng;

c) Cơ sở dữ liệu đào tạo, sát hạch, giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;

d) Cơ sở dữ liệu sức khỏe của người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng;

đ) Cơ sở dữ liệu bảo hiểm của chủ xe cơ giới, xe máy chuyên dùng;

- e) Cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ;
- g) Cơ sở dữ liệu tai nạn giao thông đường bộ;
- h) Cơ sở dữ liệu hành trình của phương tiện giao thông đường bộ theo quy định;
- i) Cơ sở dữ liệu quản lý thời gian điều khiển phương tiện của người lái xe theo quy định.

2. Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ được kết nối, chia sẻ dùng chung giữa các cơ quan quản lý nhà nước.

3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Điều khiển phương tiện tham gia giao thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn.

2. Điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong cơ thể có chất ma túy hoặc các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng.

3. Xúc phạm, đe dọa, cản trở, chống đối hoặc không chấp hành yêu cầu kiểm tra, kiểm soát của người thi hành công vụ về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

4. Đua xe, cò vũ đua xe, tổ chức đua xe trái phép; điều khiển phương tiện giao thông lạng lách, đánh võng, rú ga liên tục.

5. Dùng tay sử dụng điện thoại hoặc các thiết bị điện tử khác khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ.

6. Sử dụng còi có âm lượng không đúng quy định.

7. Giao xe cơ giới, xe máy chuyên dùng cho người không đủ điều kiện để điều khiển xe tham gia giao thông đường bộ.

8. Đưa xe cơ giới, xe máy chuyên dùng không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ.

9. Sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu xe cơ giới, xe máy chuyên dùng không bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

10. Cải tạo các xe ô tô loại khác thành xe ô tô chở người.

11. Tự ý thay đổi kết cấu, hình dáng, bố trí, tổng thành, hệ thống của xe không đúng với thiết kế của nhà sản xuất hoặc thiết kế cải tạo đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; tự ý thay đổi chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy của xe ô tô; cải tạo, lắp đặt thêm hoặc tháo bỏ phụ tùng liên quan đến an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện khi tham gia giao thông so với thiết kế, thông số kỹ thuật của nhà sản xuất đã được phê duyệt; thay đổi phụ tùng xe cơ giới để tạm thời đạt tiêu chuẩn kỹ thuật của xe khi đi đăng kiểm; tự ý cắt, hàn, tẩy xóa, đục lại số khung, số máy của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.

12. Tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, động cơ đã được đăng ký với cơ quan quản lý, nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm tra, thử nghiệm, kiểm định.

13. Chở hàng vượt quá khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông, quá kích thước giới hạn cho phép của xe; chở quá số người quy định; chở hàng hóa trên xe có quy định phải chằng buộc nhưng không chằng buộc hoặc chằng buộc không đúng quy định.

14. Vận chuyển hàng cấm lưu thông, vận chuyển trái phép hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm, động vật hoang dã.

15. Đe dọa, xúc phạm, tranh giành, lôi kéo hành khách; đe dọa, cưỡng ép hành khách sử dụng dịch vụ ngoài ý muốn; chuyển tải, xuống khách hoặc các hành vi khác nhằm trốn tránh phát hiện xe chở quá tải, quá số người quy định.

16. Kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới mà không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới theo quy định.

17. Lắp đặt, sử dụng thiết bị âm thanh, ánh sáng trên xe cơ giới, xe máy chuyên dùng gây mất trật tự, an toàn giao thông đường bộ; điều khiển xe cơ giới, xe máy chuyên dùng gắn biển số giả, gắn biển số không đúng vị trí, gắn biển số bị bẻ cong, bị che, lấp; làm thay đổi chữ, số, màu, hình dạng, kích thước của biển số.

18. Sử dụng các biện pháp kỹ thuật, trang thiết bị ngoại vi, các biện pháp khác để can thiệp vào quá trình hoạt động, phá hoặc làm nhiễu sóng định vị vệ tinh toàn cầu, sóng viễn thông hoặc làm sai lệch dữ liệu của thiết bị giám sát hành trình, camera lắp trên xe.

19. Khai báo không đúng hoặc sử dụng các giấy tờ, tài liệu giả để được cấp giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe.

20. Sản xuất, sử dụng, mua, bán trái phép biển số xe.

21. Kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe, dịch vụ sát hạch lái xe không đủ điều kiện theo quy định.

22. Khai báo không đúng hoặc sử dụng các giấy tờ, tài liệu giả để được học, kiểm tra, sát hạch cấp mới, cấp đổi, cấp lại giấy phép lái xe.

23. Đặt, để chướng ngại vật, vật cản khác trái phép trên đường; rải đinh, vật sắc nhọn khác; đổ dầu nhờn, chất gây trơn khác trên đường bộ.

24. Ném gạch, đất, đá, cát hoặc vật thể khác vào phương tiện đang tham gia giao thông trên đường bộ.

25. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp của bản thân hoặc người khác để vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

26. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp của bản thân hoặc người khác để can thiệp, tác động vào quá trình xử lý vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

27. Khai báo gian dối hoặc cung cấp thông tin, tài liệu không đúng sự thật để trốn tránh trách nhiệm khi phát hiện vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông.

28. Hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ quy định tại Chương II Luật này.

Chương II

QUY TẮC GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 9. Quy tắc chung

1. Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định, chấp hành báo hiệu đường bộ.

2. Người lái xe và người được chở trên xe ô tô phải thắt dây đai an toàn tại những chỗ có trang bị dây đai an toàn khi tham gia giao thông đường bộ.

3. Trẻ em dưới 10 tuổi hoặc chiều cao dưới 1,35 mét được chở trên xe ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi không được ngồi cùng hàng ghế của người lái xe

khi tham gia giao thông đường bộ; trẻ em dưới 4 tuổi phải được chở bằng thiết bị an toàn cho trẻ em trên xe ô tô (trừ xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo quy định của pháp luật).

4. Người lái xe; nhân viên phục vụ trên xe có trách nhiệm hướng dẫn, yêu cầu, kiểm tra người, hành khách trên xe thắt dây đai an toàn trong suốt quá trình xe chạy trên đường.

5. Tại nơi có vạch kẻ đường hoặc báo hiệu khác dành cho người đi bộ, người điều khiển phương tiện phải quan sát, giảm tốc độ, dừng lại nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường. Tại nơi không có vạch kẻ đường cho người đi bộ hoặc không có báo hiệu qua đường nếu người điều khiển phương tiện quan sát thấy người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường thì phải giảm tốc độ, dừng lại nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật.

Điều 10. Chấp hành báo hiệu đường bộ

1. Báo hiệu đường bộ, gồm: Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông; đèn tín hiệu giao thông; biển báo hiệu đường bộ gồm: biển báo cấm, biển báo nguy hiểm, biển hiệu lệnh, biển chỉ dẫn, biển phụ; vạch kẻ đường và các dấu hiệu khác trên mặt đường; cọc tiêu, đỉnh phản quang, tiêu phản quang, cột Km, cọc H, mốc lộ giới đất hành lang an toàn đường bộ và đất của đường bộ; thiết bị âm thanh báo hiệu đường bộ.

2. Người tham gia giao thông phải chấp hành báo hiệu đường bộ theo thứ tự sau:

- a) Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông;
- b) Tín hiệu đèn giao thông;
- c) Biển báo hiệu;
- d) Vạch kẻ đường và các dấu hiệu khác trên mặt đường;
- đ) Cọc tiêu, đỉnh phản quang, tiêu phản quang, cột Km, cọc H và công trình đường bộ khác;
- e) Thiết bị âm thanh báo hiệu đường bộ.

3. Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông

a) Tay giơ thẳng đứng để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở các hướng dừng lại;

b) Hai tay hoặc một tay dang ngang để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở phía trước và ở phía sau người điều khiển giao thông phải dừng lại; người tham gia giao thông ở phía bên phải và bên trái của người điều khiển giao thông được đi;

c) Tay phải giơ về phía trước để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở phía sau và bên phải người điều khiển giao thông phải dừng lại; người tham gia giao thông ở phía trước người điều khiển giao thông được rẽ phải; người tham gia giao thông ở phía bên trái người điều khiển giao thông được đi tất cả các hướng; người đi bộ qua đường phải đi sau lưng người điều khiển giao thông.

4. Hiệu lệnh của tín hiệu đèn giao thông

Màu của đèn tín hiệu giao thông gồm: màu xanh, màu đỏ, màu vàng; có hiển thị thời gian hoặc không hiển thị thời gian. Người tham gia giao thông phải chấp hành như sau:

a) Tín hiệu đèn màu xanh là được đi; trường hợp người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang đi ở lòng đường, người điều khiển phương tiện phải giảm tốc độ, nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường.

b) Tín hiệu đèn màu đỏ là cấm đi;

c) Tín hiệu đèn màu vàng phải dừng lại trước vạch dừng.

Trường hợp tín hiệu đèn màu vàng nhấp nháy, người điều khiển phương tiện tham gia giao thông được đi nhưng phải giảm tốc độ, quan sát, nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường hoặc các phương tiện khác theo quy định.

5. Hiệu lệnh của biển báo hiệu đường bộ

a) Biển báo cấm: Người tham gia giao thông không vi phạm những điều cấm biểu thị trên biển báo;

b) Biển hiệu lệnh: Người tham gia giao thông bắt buộc phải chấp hành các hiệu lệnh biểu thị trên biển báo;

c) Biển báo nguy hiểm và cảnh báo: Người tham gia giao thông phải giảm tốc độ đến mức cần thiết, chú ý quan sát và chuẩn bị sẵn sàng xử lý những tình huống có thể xảy ra để phòng ngừa tai nạn giao thông;

d) Biển chỉ dẫn: Người tham gia giao thông nhận biết và lựa chọn thực hiện biện pháp an toàn giao thông cần thiết theo thông tin và chỉ dẫn được biểu thị trên biển báo;

đ) Biển phụ, biển viết bằng chữ: Người tham gia giao thông phải chấp hành theo thuyết minh, nội dung bổ sung trên biển báo cấm, biển hiệu lệnh, biển nguy hiểm và cảnh báo, biển chỉ dẫn.

6. Hiệu lệnh của vạch kẻ đường

a) Vạch kẻ đường khi sử dụng độc lập thì người tham gia giao thông phải chấp hành theo hiệu lệnh của vạch kẻ đường;

b) Khi vạch kẻ đường sử dụng kết hợp với đèn tín hiệu, biển báo hiệu, người tham gia giao thông phải chấp hành theo hiệu lệnh của cả vạch kẻ đường và đèn tín hiệu, biển báo hiệu theo thứ tự quy định tại khoản 2 Điều này.

7. Người tham gia giao thông phải chấp hành các quy định về khoảng cách, phần đường, làn đường, hướng đi theo hiệu lệnh của cọc tiêu, đỉnh phản quang, tiêu phản quang, cột Km, cọc H, thiết bị âm thanh báo hiệu đường bộ và công trình an toàn giao thông đường bộ khác.

8. Người tham gia giao thông phải chấp hành nghiêm chỉnh hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, kể cả trong trường hợp hiệu lệnh của người điều khiển giao thông khác với tín hiệu của đèn giao thông, biển báo hiệu hoặc vạch kẻ đường.

9. Khi ở một vị trí vừa có biển báo hiệu đặt cố định vừa có biển báo hiệu tạm thời mà hai biển có ý nghĩa khác nhau, người tham gia giao thông phải chấp hành hiệu lệnh của biển báo hiệu tạm thời.

10. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.

Điều 11. Chấp hành quy định về tốc độ và khoảng cách giữa các xe

1. Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải chấp hành quy định về tốc độ, khoảng cách an toàn tối thiểu với xe phía trước cùng làn đường hoặc phần đường.

2. Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải bảo đảm tốc độ phù hợp điều kiện của cầu, đường, mật độ giao thông, địa hình, thời tiết và các yếu tố ảnh hưởng khác để bảo đảm an toàn.

3. Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ bảo đảm an toàn trong các trường hợp sau:

- a) Có báo hiệu cảnh báo nguy hiểm hoặc có chướng ngại vật trên đường;
- b) Chuyển hướng xe chạy hoặc tầm nhìn bị hạn chế;
- c) Nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường bộ, đường sắt; đường hẹp, đường vòng, đường quanh co, đường đèo, dốc;
- d) Nơi cầu, công hẹp, đập tràn, đường ngầm, hầm chui;
- đ) Khu vực có trường học, bệnh viện, bến xe, công trình công cộng tập trung đông người, khu vực đông dân cư, khu vực đang thi công trên đường bộ, hiện trường vụ tai nạn giao thông;
- e) Có vật nuôi đi trên đường hoặc chăn thả ở ven đường;
- g) Tránh xe đi ngược chiều hoặc khi cho xe đi phía sau vượt; khi có tín hiệu xin đường, tín hiệu khẩn cấp của xe đi cùng chiều phía trước;
- h) Điểm dừng, đỗ xe có khách đang lên, xuống xe;
- i) Gặp xe chở hàng siêu trường, siêu trọng, hàng nguy hiểm; đoàn người đi bộ;
- k) Gặp xe ưu tiên đang làm nhiệm vụ;
- l) Điều kiện thời tiết bất lợi ảnh hưởng tới an toàn giao thông đường bộ; khói, bụi; mặt đường trơn trượt, lầy lội, có nhiều đất đá, vật liệu rơi vãi;
- m) Khu vực đang tổ chức kiểm soát giao thông đường bộ.

Điều 12. Sử dụng làn đường

1. Phương tiện tham gia giao thông di chuyển với tốc độ thấp hơn phải đi về bên phải theo chiều đi của mình.

2. Trên đường có nhiều làn đường cho xe đi cùng chiều được phân biệt bằng vạch kẻ phân làn đường, người điều khiển phương tiện phải cho xe đi trong một làn đường và chỉ được chuyển làn đường ở những nơi cho phép; khi chuyển làn đường phải có tín hiệu báo trước; phải quan sát bảo đảm khoảng cách an

toàn với xe phía trước, phía sau mới được chuyển làn.

3. Trên đường một chiều có vạch kẻ phân làn đường, xe thô sơ phải đi trên làn đường bên phải trong cùng, xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đi trên làn đường bên trái.

4. Trên làn đường dành riêng cho một loại phương tiện, người điều khiển loại phương tiện khác không được đi vào làn đường đó.

Điều 13. Vượt xe và nhường đường cho xe xin vượt

1. Vượt xe là tình huống giao thông mà xe đi phía sau phải di chuyển sang làn đường hoặc phần đường bên trái để lên trước xe phía trước, sau đó trở lại làn đường hoặc phần đường đã di chuyển ban đầu. Các trường hợp sau đây thì được vượt về bên phải:

a) Khi xe phía trước có tín hiệu rẽ trái hoặc đang rẽ trái;

b) Khi xe chuyên dùng đang làm việc trên đường mà không thể vượt bên trái được.

2. Xe xin vượt chỉ được vượt khi không có chướng ngại vật phía trước, không có xe chạy ngược chiều trong đoạn đường định vượt, xe chạy trước không có tín hiệu vượt xe khác, đã bật tín hiệu rẽ phải và tránh về bên phải.

3. Khi có xe xin vượt, người điều khiển phương tiện phía trước phải quan sát phần đường phía trước, nếu đủ điều kiện an toàn thì phải giảm tốc độ, bật tín hiệu rẽ phải báo hiệu cho người điều khiển xe phía sau biết được vượt và đi sát về bên phải của phần đường xe chạy cho đến khi xe sau đã vượt qua, không được gây cản trở đối với xe xin vượt.

Trường hợp có chướng ngại vật hoặc không đủ điều kiện an toàn thì người điều khiển phương tiện phía trước bật tín hiệu rẽ trái báo hiệu cho người điều khiển xe phía sau biết là chưa được vượt.

4. Xe xin vượt phải có báo hiệu nhấp nháy bằng đèn chiếu sáng phía trước hoặc còi (trừ xe thô sơ), khi chuyển làn phải có tín hiệu báo hướng chuyển; trong đô thị và khu đông dân cư trong thời gian từ 22 giờ ngày hôm trước đến 5 giờ ngày hôm sau chỉ được báo hiệu xin vượt bằng đèn.

5. Không được vượt xe khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Không bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này;

- b) Trên cầu hẹp có một làn xe;
- c) Đường cong có tầm nhìn bị hạn chế; trên đường hai chiều tại khu vực đỉnh dốc có tầm nhìn bị hạn chế;
- d) Nơi đường giao nhau, đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt;
- đ) Khi điều kiện thời tiết hoặc đường không bảo đảm an toàn cho việc vượt;
- e) Gây cản trở cho xe ưu tiên đang làm nhiệm vụ;
- g) Ở phần đường dành cho người đi bộ qua đường;
- h) Khi có người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường.

Điều 14. Chuyển hướng xe

1. Chuyển hướng xe là tình huống giao thông mà phương tiện rẽ trái hoặc rẽ phải hoặc quay đầu xe.

2. Trước khi chuyển hướng, người điều khiển phương tiện tham gia giao thông phải quan sát, bảo đảm khoảng cách an toàn với xe phía sau, giảm tốc độ và bật tín hiệu báo hướng rẽ hoặc có tín hiệu bằng tay đối với xe thô sơ. Tín hiệu báo hướng rẽ hoặc tín hiệu bằng tay phải sử dụng liên tục trong quá trình chuyển hướng.

3. Trong khi chuyển hướng, người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật, xe thô sơ, xe đi ngược chiều và chỉ chuyển hướng khi không gây trở ngại hoặc nguy hiểm cho người, phương tiện khác.

4. Không quay đầu xe ở phần đường dành cho người đi bộ qua đường, trên cầu, đầu cầu, gầm cầu vượt, ngầm, tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt, đường hẹp, đường dốc, đoạn đường cong tầm nhìn bị che khuất, trên đường cao tốc, trong hầm đường bộ; trên đường một chiều, trừ khi có hiệu lệnh của người điều khiển giao thông hoặc chỉ dẫn của biển báo hiệu tạm thời.

Điều 15. Lùi xe

1. Khi lùi xe, người điều khiển phương tiện phải quan sát hai bên và phía sau xe, có tín hiệu lùi và chỉ lùi xe khi bảo đảm an toàn.

2. Không được lùi xe ở đường một chiều, khu vực cấm dừng, trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường, nơi đường bộ giao nhau, đường bộ giao

nhau cùng mức với đường sắt, nơi tầm nhìn bị che khuất, trong hầm đường bộ, đường cao tốc.

Điều 16. Tránh xe đi ngược chiều

1. Trên đường không phân chia thành hai chiều xe chạy riêng biệt, hai xe đi ngược chiều tránh nhau, người điều khiển phương tiện phải giảm tốc độ và cho xe đi về bên phải theo chiều xe chạy của mình.

2. Các trường hợp nhường đường khi tránh nhau:

a) Nơi đường hẹp chỉ đủ cho một xe chạy và có chỗ tránh xe thì xe nào ở gần chỗ tránh hơn phải vào vị trí tránh, nhường đường cho xe đi ngược chiều;

b) Xe xuống dốc phải nhường đường cho xe lên dốc;

c) Xe có chướng ngại vật phía trước phải nhường đường cho xe không có chướng ngại vật.

Điều 17. Dừng xe, đỗ xe

1. Dừng xe là trạng thái đứng yên tạm thời của phương tiện giao thông trong một khoảng thời gian cần thiết theo quy định tại các vị trí được phép dừng.

2. Đỗ xe là trạng thái đứng yên của phương tiện không giới hạn thời gian tại các địa điểm, khu vực đỗ xe theo quy định.

3. Người điều khiển phương tiện khi dừng xe, đỗ xe phải thực hiện các quy định sau đây:

a) Dừng xe phải có tín hiệu, biển cảnh báo cho người điều khiển phương tiện khác biết trạng thái xe đang dừng;

b) Đỗ xe đúng quy định về vị trí, khu vực, phải bảo đảm các quy định an toàn về đỗ xe.

4. Trên đường bộ khi phải dừng xe trong trường hợp khẩn cấp người điều khiển phương tiện phải cố gắng dừng xe ở nơi có lề đường rộng hoặc khu đất ở bên ngoài phần đường xe chạy, trừ trường hợp bất khả kháng; trường hợp lề đường hẹp hoặc không có lề đường thì phải cố gắng dừng xe sát mép đường phía bên phải theo chiều đi của mình.

5. Trên đường phố, tại khu vực được dừng xe, người điều khiển phương tiện phải dừng xe sát theo lề đường, hè phố phía bên phải theo chiều đi của mình.

Điều 18. Mở cửa xe

1. Không được mở cửa xe hoặc không đóng cửa xe đúng quy định khi xe đang chạy.

2. Trước khi mở cửa xe, người mở cửa phải quan sát phía trước, phía sau và bên phía mở cửa xe, khi thấy an toàn mới được mở cửa.

Điều 19. Sử dụng đèn

1. Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông trong thời gian từ 19 giờ ngày hôm trước đến 5 giờ ngày hôm sau hoặc khi có sương mù, khói, bụi, trời mưa, thời tiết xấu làm hạn chế tầm nhìn phải bật đèn chiếu sáng phía trước.

2. Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải tắt đèn chiếu xa, bật đèn chiếu gần trong các trường hợp sau đây:

a) Khi gặp người đi bộ qua đường;

b) Khi đi trên các đoạn đường qua khu dân cư có hệ thống chiếu sáng đang hoạt động;

c) Khi gặp xe đi ngược chiều;

d) Khi chuyển hướng xe tại nơi đường giao nhau.

3. Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng khi thực hiện công việc trên đường bộ phải bật sáng đèn cảnh báo màu vàng.

Điều 20. Sử dụng tín hiệu còi

1. Chỉ được sử dụng tín hiệu còi của phương tiện trong các trường hợp sau đây:

a) Báo hiệu cho người đi bộ và người điều khiển phương tiện tham gia giao thông khi xuất hiện tình huống có thể mất an toàn giao thông;

b) Báo hiệu chuẩn bị vượt xe.

2. Không sử dụng còi liên tục; không sử dụng còi trong thời gian từ 22 giờ đến 5 giờ, khu đông dân cư và khu vực cơ sở điều trị bệnh, trạm cấp cứu, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định của Luật này.

Điều 21. Nhường đường tại nơi đường giao nhau

1. Tại nơi đường giao nhau giữa đường không ưu tiên với đường ưu tiên thì xe đi từ đường không ưu tiên phải quan sát, giảm tốc độ hoặc dừng lại để nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên.

2. Tại nơi đường giao nhau không có báo hiệu đi theo vòng xuyên, phải nhường đường theo thứ tự sau đây:

- a) Xe đã đi vào nút giao;
- b) Xe ưu tiên;
- c) Xe đi trên đường ưu tiên;
- d) Xe đi đến từ bên phải;
- đ) Xe rẽ phải;
- e) Xe đi thẳng.

3. Tại nơi đường giao nhau có báo hiệu đi theo vòng xuyên, phải nhường đường cho xe đi bên trái.

Điều 22. Qua phà, qua cầu phao

1. Khi đến bến phà, cầu phao, các xe phải xếp hàng theo quy định, không làm cản trở giao thông.

2. Thứ tự ưu tiên qua phà, qua cầu phao:

- a) Xe ưu tiên;
- b) Xe chở thư báo;
- c) Xe chở thực phẩm tươi sống;
- d) Xe chở khách công cộng.

Trong trường hợp các xe cùng loại ưu tiên đến bến phà, cầu phao thì xe nào đến trước được qua trước.

3. Khi qua phà, phải chấp hành quy định sau đây:

a) Khi xe xuống phà, đang ở trên phà và khi lên bến, mọi người không được ở trên xe, trừ người lái xe, điều khiển xe máy chuyên dùng, người bệnh, người già yếu, phụ nữ mang thai và người khuyết tật;

b) Khi xuống phà, xe cơ giới xuống trước, xe thô sơ, người đi bộ xuống sau; khi lên bến, người đi bộ lên trước, các phương tiện giao thông lên sau theo hướng dẫn của người điều khiển giao thông.

4. Khi qua cầu phao, phải chấp hành quy định sau đây:

a) Xe cơ giới phải đi theo một hàng theo chiều di chuyển, không gây cản trở người, phương tiện đi ngược chiều;

b) Xe thô sơ, người đi bộ phải đi sát về phía bên phải theo chiều đi của mình, không gây cản trở xe cơ giới;

c) Xe cơ giới, xe thô sơ, người đi bộ phải tuân thủ hướng dẫn của người điều khiển giao thông.

Điều 23. Giao thông tại đường ngang, cầu chung đường sắt

1. Khi có hiệu lệnh của nhân viên gác chắn, đèn đỏ sáng nhấp nháy, chuông kêu, chắn đường bộ đang dịch chuyển hoặc đã đóng, người tham gia giao thông đường bộ phải dừng lại về bên phải đường của mình, trước vạch dừng xe.

2. Khi tới đường ngang không có người gác, chắn đường bộ, chuông, đèn tín hiệu, người tham gia giao thông đường bộ phải dừng lại về bên phải đường của mình, trước vạch dừng xe và quan sát hai phía, khi không có phương tiện giao thông đường sắt tới mới được đi qua.

3. Khi phương tiện tham gia giao thông bị hư hỏng, bị tai nạn hoặc hàng hóa rơi đổ trên đường ngang, cầu chung đường sắt mà không thể di chuyển ngay khỏi phạm vi an toàn đường sắt, người điều khiển phương tiện và người có mặt phải ngay lập tức báo hiệu để dừng tàu, thực hiện các biện pháp an toàn.

Điều 24. Giao thông trên đường cao tốc

1. Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng trên đường cao tốc phải tuân thủ quy tắc giao thông đường bộ sau đây:

a) Khi nhập vào làn đường của đường cao tốc phải có tín hiệu xin vào và phải nhường đường cho xe đang chạy trên đường, quan sát xe phía sau bảo đảm khoảng cách an toàn mới cho xe nhập vào làn đường sát bên phải, nếu có làn đường tăng tốc thì phải cho xe chạy trên làn đường đó trước khi nhập vào làn đường của đường cao tốc;

b) Khi ra khỏi đường cao tốc phải quan sát biển báo hiệu chỉ dẫn, thực hiện chuyển dần sang làn đường sát bên phải, nếu có làn đường giảm tốc thì phải cho xe di chuyển trên làn đường đó trước khi rời khỏi đường cao tốc;

c) Không được cho xe chạy ở làn dừng xe khẩn cấp và phần lề đường;

d) Các quy tắc giao thông đường bộ khác quy định tại Luật này.

2. Khi phải dừng xe trong trường hợp khẩn cấp, lái xe cố gắng điều khiển xe vào làn dừng khẩn cấp cùng chiều xe chạy, nếu không thể di chuyển được, phải có báo hiệu bằng đèn khẩn cấp và đặt biển hoặc đèn cảnh báo về phía sau xe khoảng cách tối thiểu 150 mét, nhanh chóng báo cho cơ quan Cảnh sát giao thông hoặc cơ quan quản lý đường cao tốc.

3. Xe máy chuyên dùng có tốc độ thiết kế nhỏ hơn tốc độ tối thiểu quy định đối với đường cao tốc, xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ, người đi bộ không được đi trên đường cao tốc, trừ người, phương tiện giao thông, thiết bị phục vụ việc quản lý, bảo trì đường cao tốc.

Điều 25. Giao thông trong hầm đường bộ

Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông khi điều phương tiện trong hầm đường bộ phải tuân thủ quy tắc giao thông đường bộ sau đây:

1. Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng phải bật đèn chiếu gần; xe thô sơ phải bật đèn hoặc có vật phát sáng báo hiệu.

2. Không dừng xe, đỗ xe trong hầm đường bộ; trường hợp gặp sự cố kỹ thuật hoặc bất khả kháng khác buộc phải dừng xe, đỗ xe, người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải đưa xe vào vị trí dừng, đỗ xe khẩn cấp, nếu không di chuyển được, phải có báo hiệu bằng đèn khẩn cấp và đặt biển báo hoặc đèn cảnh báo về phía trước và phía sau xe, nhanh chóng báo cho cơ quan Cảnh sát giao thông hoặc cơ quan quản lý hầm đường bộ.

3. Các quy tắc giao thông đường bộ khác quy định tại Luật này.

Điều 26. Quyền của xe ưu tiên

1. Xe ưu tiên được quyền đi trước xe khác khi qua đường giao nhau từ bất kỳ hướng nào tới theo thứ tự:

a) Xe chữa cháy, xe cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy đi làm nhiệm vụ;

b) Xe quân sự, xe công an đi làm nhiệm vụ; đoàn xe có xe Cảnh sát giao thông dẫn đường;

c) Xe cứu thương đi làm nhiệm vụ cấp cứu;

d) Xe hộ đê, xe đi làm nhiệm vụ khắc phục sự cố thiên tai, dịch bệnh hoặc xe đi làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật;

đ) Đoàn xe tang.

2. Xe ưu tiên quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này phải lắp đặt còi, đèn ưu tiên theo quy định. Màu của tín hiệu đèn ưu tiên được quy định như sau:

a) Xe chữa cháy, xe cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy đi làm nhiệm vụ, xe quân sự đi làm nhiệm vụ, xe cứu thương đang làm nhiệm vụ cấp cứu có đèn nhấp nháy màu đỏ;

b) Xe công an đi làm nhiệm vụ, xe Cảnh sát giao thông dẫn đường có đèn nhấp nháy màu xanh và đỏ;

c) Xe hộ đê đi làm nhiệm vụ, xe đi làm nhiệm vụ khắc phục sự cố thiên tai, dịch bệnh hoặc xe đi làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật có đèn nhấp nháy màu xanh.

3. Xe ưu tiên quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này không bị hạn chế tốc độ; được phép đi không phụ thuộc vào tín hiệu đèn giao thông, đi vào đường ngược chiều, các đường khác có thể đi được; riêng đối với đường cao tốc, chỉ được đi ngược chiều trên làn dừng xe khẩn cấp; phải tuân theo hiệu lệnh của người điều khiển giao thông.

4. Khi có tín hiệu của xe ưu tiên, người tham gia giao thông phải giảm tốc độ, đi sát lề đường bên phải hoặc dừng lại để nhường đường, trạm thu phí phải ưu tiên cho xe ưu tiên qua trạm trong mọi tình huống, không được gây cản trở.

5. Chính phủ quy định cụ thể về tín hiệu của xe ưu tiên; quản lý, lắp đặt, sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên và trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại và thu hồi Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên.

6. Bộ trưởng Bộ Công an quy định về đoàn xe có xe Cảnh sát giao thông dẫn đường.

Điều 27. Trường hợp chở người trên xe ô tô chở hàng

1. Chỉ được chở người trên xe ô tô chở hàng trong các trường hợp sau đây:

a) Chở người đi làm nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cứu nạn, cứu hộ hoặc thực hiện nhiệm vụ khẩn cấp; chở cán bộ, chiến sĩ của lực lượng vũ trang nhân dân đi làm nhiệm vụ; chở người bị nạn đi cấp cứu;

b) Chở người đi thực hành lái xe trên xe tập lái; chở người dự sát hạch lái xe trên đường trên xe sát hạch; chở người điều hành theo đoàn khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép;

c) Giải tỏa người ra khỏi khu vực nguy hiểm hoặc trong trường hợp khẩn cấp khác theo quy định của pháp luật.

2. Xe ô tô chở người trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này phải bảo đảm an toàn khi tham gia giao thông.

Điều 28. Xe kéo xe và xe kéo rơ moóc

1. Một xe ô tô chỉ được kéo theo một xe ô tô hoặc xe máy chuyên dùng khác khi xe này không tự chạy được và phải bảo đảm các quy định sau đây:

a) Xe được kéo phải có người điều khiển và hệ thống lái của xe đó phải còn hiệu lực;

b) Việc nối xe kéo với xe được kéo phải bảo đảm chắc chắn, an toàn; trường hợp hệ thống hãm của xe được kéo không còn hiệu lực thì xe kéo nhau phải nối bằng thanh nối cứng;

c) Phía trước của xe kéo và phía sau của xe được kéo phải có biển báo hiệu; có đèn cảnh báo nhấp nháy màu vàng.

2. Xe kéo rơ moóc phải có hệ thống hãm liên động.

3. Không được thực hiện các hành vi sau đây:

a) Xe kéo rơ moóc, xe kéo sơ mi rơ moóc kéo thêm rơ moóc hoặc xe khác;

b) Chở người trên xe được kéo, trừ người điều khiển.

4. Khi xe kéo xe bằng xe chuyên dùng, xe kéo chỉ được kéo theo một xe, việc kết nối xe kéo và xe được kéo phải bảo đảm chắc chắn, an toàn, không được chở người trên xe được kéo.

Điều 29. Người đi bộ, người khuyết tật, người già yếu, người mất năng lực hành vi dân sự, phụ nữ mang thai, trẻ em tham gia giao thông

1. Người đi bộ

a) Phải đi trên hè phố, lề đường, đường dành riêng cho người đi bộ; trường hợp đường không có hè phố, lề đường, đường dành riêng cho người đi bộ thì người đi bộ phải đi sát mép đường bên phải theo chiều đi của mình;

b) Chỉ được qua đường ở những nơi có đèn tín hiệu, có vạch kẻ đường hoặc có cầu vượt, hầm dành cho người đi bộ và phải tuân thủ tín hiệu chỉ dẫn, báo hiệu đường bộ;

c) Trường hợp không có đèn tín hiệu, không có vạch kẻ đường, cầu vượt, hầm dành cho người đi bộ thì phải quan sát các xe đang đi tới, chỉ qua đường khi bảo đảm an toàn, khi qua đường phải có tín hiệu bằng tay;

d) Không được vượt qua dải phân cách, đu bám vào phương tiện giao thông đang chạy; khi mang vác vật cồng kềnh phải bảo đảm an toàn và không gây trở ngại cho người và phương tiện tham gia giao thông.

2. Người khuyết tật, già yếu, người mất năng lực hành vi dân sự, phụ nữ mang thai, trẻ em

a) Người khuyết tật sử dụng xe lăn có hoặc không có động cơ phải đi trên hè phố, lề đường và nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ và xe thô sơ;

b) Người khiếm thị khi đi trên đường bộ phải có người dẫn dắt hoặc có công cụ để báo hiệu cho người khác nhận biết là người khiếm thị;

c) Người mất năng lực hành vi dân sự khi tham gia giao thông phải có người dẫn dắt;

d) Trẻ em dưới 7 tuổi khi đi qua đường phải có người lớn dẫn dắt;

đ) Mọi người có trách nhiệm giúp đỡ người khuyết tật, già yếu, người mất năng lực hành vi dân sự, trẻ em dưới 7 tuổi, phụ nữ mang thai khi đi qua đường.

Điều 30. Người điều khiển, người ngồi, hàng hóa xếp trên xe đạp, xe đạp máy, xe đạp điện và xe thô sơ khác

1. Người điều khiển xe đạp, xe đạp máy, xe đạp điện chỉ được chở một người, trừ trường hợp chở thêm một trẻ em dưới 7 tuổi thì được chở tối đa hai người.

Người điều khiển xe đạp, xe đạp máy, xe đạp điện không được thực hiện các hành vi quy định tại khoản 3 Điều 31 Luật này; người ngồi trên xe đạp, xe đạp máy, xe đạp điện khi tham gia giao thông không được thực hiện các hành vi quy định tại khoản 4 Điều 31 Luật này.

2. Người điều khiển, người ngồi trên xe đạp máy, xe đạp điện phải đội mũ bảo hiểm bảo đảm đúng tiêu chuẩn, chất lượng và cài quai đúng quy cách.

3. Người điều khiển xe thô sơ khác phải cho xe đi hàng một, nơi có phần đường dành cho xe thô sơ thì phải đi đúng phần đường quy định; khi đi vào ban đêm phải có báo hiệu ở phía trước và phía sau xe.

4. Hàng hóa xếp trên xe thô sơ phải bảo đảm an toàn, không gây cản trở giao thông và che khuất tầm nhìn của người điều khiển.

Điều 31. Người lái xe, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy

1. Người lái xe mô tô hai bánh, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy chỉ được chở một người, trừ những trường hợp sau thì được chở tối đa hai người:

a) Chở người bệnh đi cấp cứu;

- b) Áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật;
- c) Trẻ em dưới 14 tuổi;
- d) Người già yếu hoặc người khuyết tật.

2. Người lái xe, người ngồi trên xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy phải đội mũ bảo hiểm bảo đảm đúng tiêu chuẩn, chất lượng và cài quai đúng quy cách.

3. Người lái xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy không được thực hiện các hành vi sau đây:

- a) Đi xe dàn hàng ngang;
- b) Đi xe vào phần đường dành cho người đi bộ và phương tiện khác;
- c) Sử dụng ô;
- d) Buông cả hai tay hoặc đi xe bằng một bánh đối với xe hai bánh, bằng hai bánh đối với xe ba bánh;

đ) Sử dụng xe để kéo, đẩy xe khác, vật khác, dẫn dắt vật nuôi, mang, vác và chở vật công kênh; chở người đứng trên xe, giá đèo hàng hoặc ngồi trên tay lái; xếp hàng hóa trên xe quá giới hạn quy định;

e) Ngồi về một bên điều khiển xe; đứng, nằm trên xe điều khiển xe; thay người lái xe khi xe đang chạy; quay người về phía sau để điều khiển xe hoặc bịt mắt điều khiển xe; sử dụng chân chống hoặc vật khác quét xuống đường khi xe đang chạy;

- g) Hành vi khác gây mất trật tự, an toàn giao thông.

4. Người ngồi trên xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy khi tham gia giao thông không được thực hiện các hành vi sau đây:

- a) Mang, vác vật công kênh;
- b) Sử dụng ô;
- c) Bám, kéo hoặc đẩy các phương tiện khác;
- d) Đứng trên yên, giá đèo hàng hoặc ngồi trên tay lái;
- đ) Hành vi khác gây mất trật tự, an toàn giao thông.

5. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy.

Điều 32. Người điều khiển, dẫn dắt vật nuôi, điều khiển xe vật nuôi kéo đi trên đường bộ

1. Người điều khiển, dẫn dắt vật nuôi, điều khiển xe vật nuôi kéo đi trên đường bộ phải cho vật nuôi đi sát mép đường bên phải; trường hợp cần cho vật nuôi đi ngang qua đường thì phải quan sát và chỉ được đi qua đường khi có đủ điều kiện an toàn. Không được gây cản trở cho người và phương tiện tham gia giao thông.

2. Không được dẫn dắt vật nuôi đi vào phần đường dành cho xe cơ giới.

3. Không được thả vật nuôi trên đường.

Chương III

PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 33. Điều kiện phương tiện tham gia giao thông đường bộ

1. Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Được cấp chứng nhận đăng ký và gắn biển số theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 7 Điều 34 Luật này;

b) Bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 35 và khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 36 Luật này;

c) Có thiết bị giám sát hành trình; thiết bị thu thập dữ liệu, hình ảnh người lái xe, dữ liệu, hình ảnh bảo đảm an toàn hành trình theo quy định.

2. Phương tiện giao thông thông minh bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động theo quy định.

3. Phương tiện gắn biển số nước ngoài hoạt động tại Việt Nam thực hiện theo điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc đã ký kết.

4. Chính phủ quy định chi tiết điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều này.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể điều kiện, phạm vi hoạt động của xe thô sơ tại địa phương, các loại phương tiện giao thông khác phù hợp với địa bàn đặc thù giao thông của địa phương.

Điều 34. Cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký và biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ

1. Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đủ các điều kiện sau được cấp mới chứng nhận đăng ký và biển số:

- a) Chứng nhận nguồn gốc xe theo quy định;
- b) Chứng nhận quyền sở hữu hợp pháp;
- c) Chứng nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

2. Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng khi thay đổi chủ xe trong chứng nhận đăng ký phải bảo đảm các điều kiện sau:

- a) Đã hoàn thành thủ tục thu hồi đăng ký, biển số;
- b) Quy định tại các điểm b, c khoản 1 Điều này.

3. Chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng được cấp đổi trong các trường hợp sau:

- a) Chứng nhận đăng ký, biển số bị mờ, hỏng;
- b) Cải tạo, thay đổi màu sơn, thay đổi thông tin của chủ xe (tên chủ xe, số định danh cá nhân, địa chỉ), thay đổi mục đích sử dụng;
- c) Cơ quan đăng ký xe thay đổi cấu trúc biểu mẫu chứng nhận đăng ký, biển số.

4. Chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng được cấp lại trong các trường hợp sau:

- a) Chứng nhận đăng ký, biển số bị mất;
- b) Chứng nhận đăng ký, biển số hết thời hạn sử dụng.

5. Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đã có Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường được cấp biển số và đăng ký tạm thời trong các trường hợp sau:

- a) Di chuyển từ nhà máy đến kho cảng hoặc từ kho cảng, nhà máy, đại lý bán xe đến nơi đăng ký xe hoặc về các đại lý, kho lưu trữ khác;
- b) Xe ô tô làm thủ tục thu hồi để tái xuất về nước hoặc chuyển quyền sở hữu;

c) Xe đăng ký ở nước ngoài được cơ quan thẩm quyền cho phép, xe ô tô có tay lái bên phải (tay lái nghịch) vào Việt Nam quá cảnh, tạm nhập, tái xuất có thời hạn để tham gia dự hội nghị, hội chợ, triển lãm, thể dục, thể thao, du lịch; trừ trường hợp xe không phải cấp biển số tạm thời theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 70 Luật này;

d) Xe tạm nhập, tái xuất hoặc xe sản xuất, lắp ráp tại Việt Nam;

đ) Xe phục vụ các sự kiện do Đảng, Nhà nước tổ chức.

6. Thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, trong các trường hợp sau:

a) Chuyển quyền sở hữu trong chứng nhận đăng ký; hết thời hạn tạm nhập hoặc làm thủ tục nhập khẩu hoặc hết thời hạn đăng ký tại các khu kinh tế - thương mại đặc biệt, khu kinh tế cửa khẩu quốc tế theo quy định;

b) Không còn đủ điều kiện an toàn tham gia giao thông, không còn nhu cầu tham gia giao thông, việc cấp, đăng ký biển số vi phạm quy định của pháp luật;

c) Xe cơ giới hết niên hạn sử dụng theo quy định.

7. Số biển số xe được cấp và quản lý theo mã định danh của chủ xe là cá nhân, tổ chức; trường hợp tổ chức chưa có mã định danh điện tử thì quản lý theo mã số thuế hoặc quyết định thành lập (sau đây gọi là biển số định danh).

a) Trường hợp xe hết niên hạn sử dụng, hư hỏng hoặc chuyển quyền sở hữu xe thì biển số định danh của chủ xe được giữ lại trong thời hạn 5 năm để đăng ký cho xe khác thuộc sở hữu của mình; quá thời hạn nêu trên chủ xe chưa đăng ký cho xe khác thì biển định danh đó bị cơ quan đăng ký xe thu hồi, nhập vào kho biển số để đăng ký, cấp cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định;

b) Trường hợp chủ xe có thay đổi thông tin về trụ sở, nơi thường trú, tạm trú thì được giữ lại số biển số định danh.

8. Bộ trưởng Bộ Công an quy định tiêu chuẩn biển số xe; trình tự, thủ tục cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ và hoạt động của phương tiện giao thông thông minh.

9. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn biển số xe; trình tự, thủ tục cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng

tham gia giao thông đường bộ và hoạt động của phương tiện giao thông thông minh do Bộ Quốc phòng quản lý.

Điều 35. Bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp

1. Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu phải được chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (trừ xe và phụ tùng sản xuất, lắp ráp để xuất khẩu; nhập khẩu không để tham gia giao thông đường bộ gồm: nghiên cứu khoa học, nghiên cứu phục vụ sản xuất, trưng bày, giới thiệu tại hội chợ triển lãm thương mại).

2. Việc chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan đăng kiểm tổ chức thực hiện bao gồm: kiểm tra, thử nghiệm an toàn và khí thải của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng và phụ tùng xe cơ giới, mức sử dụng năng lượng của xe cơ giới; công nhận và chỉ định cơ sở thử nghiệm, chứng nhận; kiểm tra, đánh giá, giám sát việc bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, triệu hồi sản phẩm của cơ sở nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp.

3. Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng mức tiêu chuẩn khí thải đối với xe cơ giới nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp.

4. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng của xe cơ giới trong nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp; quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng của xe cơ giới trong nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp.

5. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an ban hành các quy định liên quan đến sản xuất lắp ráp, nhập khẩu xe cơ giới, xe máy chuyên dùng sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

Điều 36. Bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ

1. Xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng tham gia giao thông công cộng phải được kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng nếu có giấy tờ về chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của cơ quan đăng kiểm phương tiện hoặc Phiếu (hoặc giấy chứng nhận) kiểm tra xuất xưởng của nhà sản xuất thì không phải kiểm định trong trường hợp di chuyển từ cửa khẩu, từ nơi sản xuất, lắp ráp tới kho, cảng, cửa hàng hoặc ngược lại.

3. Xe mô tô, xe gắn máy phải kiểm định về khí thải; việc kiểm định khí thải được thực hiện tại các trạm kiểm định khí thải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng mức tiêu chuẩn khí thải đối với xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông.

4. Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng được quy định tại khoản 1 Điều này do đăng kiểm viên của cơ sở đăng kiểm thực hiện và được cơ sở đăng kiểm cấp giấy chứng nhận đăng kiểm theo quy định. Đăng kiểm viên là người được cấp chứng chỉ để thực hiện công tác chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới; kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng. Đăng kiểm viên gồm: Đăng kiểm viên thử nghiệm, Đăng kiểm viên chất lượng, Đăng kiểm viên kiểm định.

5. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm kiểm tra khí thải xe mô tô, xe gắn máy; quy định về trình tự, thủ tục đề cấp, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên; quy định trình tự, thủ tục đánh giá và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cho trạm kiểm tra khí thải xe mô tô, xe gắn máy, chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo, kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; kiểm định khí thải xe cơ giới; quy định về yêu cầu kỹ thuật đối với xe cơ giới thuộc đối tượng nghiên cứu phát triển có nhu cầu tham gia giao thông đường bộ.

6. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an ban hành các quy định liên quan đến xe cơ giới, xe máy chuyên dùng sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

Điều 37. Niên hạn sử dụng của xe cơ giới

1. Niên hạn sử dụng của xe được tính bắt đầu từ năm sản xuất xe đến hết ngày 31 tháng 12 của năm hết niên hạn sử dụng.

Không áp dụng niên hạn sử dụng đối với: xe mô tô, xe gắn máy, xe ô tô con, xe ô tô chuyên dùng, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và phương tiện của Công an, Quân đội phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng.

2. Niên hạn sử dụng của xe cải tạo thực hiện theo quy định sau:

a) Xe có niên hạn sử dụng cải tạo thành xe không có niên hạn sử dụng thì áp dụng quy định về niên hạn của xe trước khi cải tạo;

b) Xe không có niên hạn sử dụng cải tạo thành xe có niên hạn sử dụng thì áp dụng quy định về niên hạn của xe sau khi cải tạo;

c) Xe ô tô chở người có số người cho phép chở từ 10 người trở lên (kể cả người lái), xe ô tô chở người chuyên dùng cải tạo thành xe ô tô chở hàng (kể cả xe ô tô chở hàng chuyên dùng); xe chở người bốn bánh có gắn động cơ cải tạo thành xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ thì được áp dụng niên hạn sử dụng niên hạn của xe sau cải tạo.

3. Chính phủ quy định chi tiết niên hạn sử dụng đối với xe cơ giới.

Điều 38. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế, nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp; cơ sở đăng kiểm; trách nhiệm của chủ xe cơ giới, xe máy chuyên dùng và người điều khiển xe cơ giới, xe máy chuyên dùng

1. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế, nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp; cơ sở đăng kiểm

a) Tổ chức, cá nhân thiết kế, nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp có trách nhiệm tuân thủ các quy định pháp luật về kiểm tra, thử nghiệm, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới; chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm hàng hóa do mình thiết kế, nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp và phải bảo đảm tổ chức thực hiện việc bảo hành, bảo dưỡng xe cơ giới nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp và triệu hồi sản phẩm;

b) Cơ sở đăng kiểm chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, kiểm định, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới.

2. Trách nhiệm của chủ xe cơ giới, xe máy chuyên dùng và người điều khiển xe cơ giới, xe máy chuyên dùng

a) Chấp hành các quy định về cấp, thu hồi đăng ký biển số, kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng;

b) Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ;

c) Tổ chức, cá nhân đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe tiếp tục chịu trách nhiệm của chủ xe khi chưa thực hiện thu hồi đăng ký, biển số đối với trường hợp phải thu hồi theo quy định tại khoản 6 Điều 34 Luật này;

d) Chấp hành các quy định của pháp luật khi tham gia giao thông đường bộ.

Điều 39. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong vận chuyển hàng hóa bằng xe ô tô

Lái xe vận chuyển hàng hoá bằng xe ô tô phải thực hiện các quy định sau đây:

1. Hàng vận chuyển trên xe phải được xếp đặt gọn gàng và chằng buộc chắc chắn, bảo đảm không gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông; không cản trở tầm nhìn của lái xe, làm mất thăng bằng của xe hoặc làm khó điều khiển xe; không được che khuất đèn, biển số đăng ký của xe.

2. Khi vận chuyển hàng rời, vật liệu xây dựng, phế thải phải che đậy kín, không để rơi vãi xuống đường hoặc gây ra tiếng ồn, bụi bẩn trong suốt quá trình vận chuyển trên đường và chiều cao tối đa của hàng phải thấp hơn mép trên thành thùng xe tối thiểu 10 cm.

3. Khi xếp hàng hoá vượt phía trước và phía sau xe thì ban ngày phải có cờ báo hiệu màu đỏ tại điểm đầu và điểm cuối cùng của hàng hoá, khi xe hoạt động vào ban đêm hoặc khi trời tối phải có đèn đỏ báo hiệu.

Điều 40. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong vận chuyển hàng hoá siêu trường, siêu trọng

1. Hàng hoá siêu trường, siêu trọng là hàng có kích thước hoặc trọng lượng vượt quá giới hạn quy định nhưng không thể tháo rời ra được.

2. Việc vận chuyển hàng hoá siêu trường, siêu trọng phải sử dụng xe vận chuyển phù hợp với loại hàng và phải có giấy phép sử dụng đường bộ do cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền cấp.

3. Xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng được phép ghép, nối thành tổ hợp nhiều xe gồm ô tô đầu kéo, ô tô kéo rơ moóc để kéo hoặc vừa kéo vừa

đầy các rơ moóc, sơ mi rơ moóc chuyên dùng, bao gồm cả trường hợp ghép nối thông qua hàng được chở.

4. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyên hàng hoá siêu trường, siêu trọng.

Điều 41. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong vận chuyển động vật sống

Phương tiện vận chuyển động vật sống phải bảo đảm các yêu cầu sau:

1. Có kết cấu phù hợp với loại động vật chuyên chở.
2. Chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, vệ sinh dịch tễ, phòng dịch và bảo đảm vệ sinh môi trường.

Điều 42. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong vận chuyển hàng nguy hiểm

1. Hàng nguy hiểm là hàng hóa có chứa các chất nguy hiểm khi chở trên đường có khả năng gây nguy hại tới tính mạng, sức khỏe con người, môi trường, an toàn và an ninh quốc gia.

2. Việc vận chuyển hàng nguy hiểm phải có giấy phép do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật; trong trường hợp cần thiết, đơn vị vận chuyển hàng nguy hiểm phải bố trí người áp tải để bảo đảm an toàn giao thông.

3. Xe vận chuyển hàng nguy hiểm phải lắp thiết bị giám sát hành trình, camera bảo đảm giám sát người lái xe, phía trước và phía sau xe theo quy định của Chính phủ.

4. Người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng nguy hiểm phải có chứng nhận chuyên môn về vận chuyển hàng nguy hiểm theo quy định.

5. Chính phủ quy định về danh mục hàng nguy hiểm, vận chuyển hàng nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép.

Điều 43. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông vận tải đường bộ trong đô thị

1. Xe buýt, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ phải chạy đúng tuyến, đúng lịch trình, thời gian được phép hoạt động và dừng, đỗ đúng nơi quy định.

2. Xe taxi đón, trả hành khách theo thỏa thuận giữa hành khách và người lái xe nhưng phải chấp hành các quy định về bảo đảm an toàn giao thông khi đón, trả khách.

3. Xe chở hàng phải hoạt động theo đúng tuyến, phạm vi và thời gian quy định đối với từng loại xe.

4. Xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở phế thải, vật liệu rời phải được che phủ kín không để rơi, vãi trên đường phố và có thời gian hoạt động theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng cho người khuyết tật trong đô thị.

Điều 44. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự

1. Xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa phải bảo đảm các quy định về quản lý và trật tự, an toàn giao thông.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về sử dụng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn địa phương.

Điều 45. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ

1. Xe bốn bánh có gắn động cơ vận chuyển hành khách, hàng hóa phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đăng ký, gắn biển số, kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định;

b) Lắp thiết bị giám sát hành trình, niêm yết tên và số điện thoại của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo quy định;

c) Bảo đảm đúng thời gian và phạm vi hoạt động.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể về thời gian, phạm vi hoạt động, trình tự, thủ tục cho phép hoạt động vận chuyển khách bằng xe bốn bánh

có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn địa phương.

Điều 46. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đối với xe ô tô đưa đón học sinh

1. Xe ô tô đưa đón học sinh phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định, có niên hạn sử dụng không quá 15 năm, có thiết bị đèn cảnh báo hoặc đăng ký màu sơn để nhận diện;

b) Xe ô tô sử dụng để đưa đón học sinh tiểu học hoặc mầm non phải có dây đai an toàn phù hợp với lứa tuổi hoặc phải sử dụng xe có ghế ngồi phù hợp với lứa tuổi học sinh, kính xe bảo đảm có thể quan sát rõ phía trong xe từ bên ngoài.

2. Khi đưa đón học sinh tiểu học và mầm non phải bố trí tối thiểu 01 người quản lý trên mỗi xe ô tô để hướng dẫn, giám sát, duy trì trật tự và bảo đảm an toàn cho học sinh trong suốt chuyến đi. Trường hợp sử dụng xe ô tô có sức chứa trên 24 chỗ để đưa đón học sinh mầm non, phải bố trí tối thiểu 02 người quản lý trên mỗi xe ô tô.

3. Cơ sở giáo dục, đào tạo phải xây dựng, tập huấn cho cho lái xe và người quản lý học sinh nắm vững và thực hiện đúng quy trình bảo đảm an toàn khi đưa đón học sinh.

4. Cơ sở giáo dục, đào tạo khi tổ chức hoạt động đưa, đón học sinh chịu trách nhiệm về việc đón, trả học sinh của đơn vị mình bảo đảm an toàn giao thông.

5. Xe đưa đón học sinh được ưu tiên trong tổ chức, phân luồng, điều tiết giao thông, bố trí nơi dừng, đỗ tại khu vực trường học và tại các điểm trên lộ trình đưa đón học sinh.

Điều 47. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đối với xe quá khổ giới hạn của đường bộ, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ

1. Xe quá khổ giới hạn của đường bộ là xe cơ giới có một trong các kích thước bao ngoài kể cả hàng hóa xếp trên xe (nếu có) vượt quá kích thước tối đa cho phép khi tham gia giao thông trên đường bộ.

2. Xe quá tải trọng là xe cơ giới có khối lượng toàn bộ hoặc có khối lượng toàn bộ phân bổ lên trục xe vượt quá tải trọng khai thác của đường bộ.

3. Việc sử dụng xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích để vận chuyển hàng hoá trên đường bộ được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Khi các phương án vận chuyển hàng hoá bằng đường sắt, đường thủy, đường biển hoặc phương thức vận tải khác không thể thực hiện được;

b) Di chuyển xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng từ ga, cảng và các địa điểm nhập khẩu, chế tạo, sửa chữa, bảo trì đến nơi sử dụng phương tiện theo quy định và ngược lại hoặc giữa các địa điểm sử dụng phương tiện theo quy định;

c) Xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng trên đường bộ phải được đăng ký, đăng kiểm theo quy định của pháp luật;

d) Khi xe bánh xích không thể vận chuyển trên đường bộ bằng phương tiện vận tải khác, thì được phép di chuyển trên đường bộ nhưng phải có biện pháp bảo vệ mặt đường.

4. Bảo vệ công trình đường bộ khi cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu thông trên đường bộ

a) Trường hợp vận chuyển bằng xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng ảnh hưởng đến chất lượng, an toàn công trình đường bộ, chủ phương tiện vận chuyển có trách nhiệm chi trả toàn bộ chi phí thuê tư vấn đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật về xây dựng để khảo sát, thiết kế, gia cố công trình đường bộ;

b) Trường hợp vận chuyển xe quá khổ giới hạn cần phải có lực lượng dẫn đường, hộ tống nhằm hỗ trợ lái xe, cảnh báo cho người, phương tiện tham gia giao thông khác và thực hiện các biện pháp an toàn giao thông cần thiết, chủ phương tiện có trách nhiệm bố trí và chi trả kinh phí dẫn đường, hộ tống;

c) Xe bánh xích được phép lưu thông trên đường bộ thì phải có biện pháp bảo vệ mặt đường.

5. Cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền cấp giấy phép lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường; chấp thuận phương án khảo sát, thiết kế, gia cố công trình đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

6. Xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích chỉ được lưu hành trên đường bộ sau khi được cấp giấy phép lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích và đã thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình đường bộ quy định tại khoản 4 Điều này.

7. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; trình tự, thủ tục cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích có khả năng gây hư hại công trình đường bộ, gây mất an toàn giao thông.

Điều 48. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đối với xe cứu hộ giao thông đường bộ

1. Xe cứu hộ giao thông đường bộ là xe ô tô chuyên dùng có trang bị dụng cụ, thiết bị dùng để cứu hộ, hỗ trợ di chuyển hoặc chuyên chở các phương tiện giao thông bị hư hỏng, sự cố.

2. Xe cứu hộ giao thông đường bộ phải có dấu hiệu nhận diện, niêm yết thông tin trên xe, gắn thiết bị giám sát hành trình, camera và truyền dẫn dữ liệu theo quy định.

3. Xe cứu hộ giao thông đường bộ phải tuân thủ quy định về trọng tải của xe cứu hộ và trọng tải của xe được cứu hộ ghi trên Chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

Chương IV

NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN PHƯƠNG TIỆN

THAM GIA GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 49. Điều kiện của người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ

1. Người lái xe tham gia giao thông đường bộ phải có giấy phép lái xe phù hợp với loại xe đang điều khiển do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, trừ người lái xe gắn máy quy định tại khoản 3 Điều này. Khi tham gia giao thông, người lái xe phải mang theo các giấy tờ sau:

a) Chứng nhận đăng ký xe hoặc bản sao Chứng nhận đăng ký xe có chứng thực kèm bản gốc Giấy biên nhận còn hiệu lực của tổ chức tín dụng;

b) Giấy phép lái xe phù hợp với loại xe đang điều khiển;

c) Chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, phương tiện giao thông thông minh theo quy định của pháp luật;

d) Chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.

Trong các loại giấy tờ trên, trường hợp thông tin của các loại giấy tờ nào đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử, thẻ căn cước theo quy định thì không phải mang theo.

2. Người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông phải có bằng hoặc chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng phù hợp loại xe máy chuyên dùng đang điều khiển, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ hoặc giấy phép lái xe quy định tại Điều 50 của Luật này phù hợp loại xe máy chuyên dùng đang điều khiển. Khi tham gia giao thông, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải mang theo các loại giấy tờ sau:

a) Chứng nhận đăng ký xe hoặc bản sao Chứng nhận đăng ký xe có chứng thực kèm bản gốc Giấy biên nhận còn hiệu lực của tổ chức tín dụng;

b) Bằng hoặc chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng;

c) Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ hoặc giấy phép lái xe;

d) Chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe máy chuyên dùng theo quy định của pháp luật;

đ) Chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

Trong các loại giấy tờ trên, trường hợp thông tin của các loại giấy tờ nào đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử, thẻ căn cước theo quy định thì không phải mang theo.

3. Người lái xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ phải đủ điều kiện về độ tuổi, sức khỏe theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 51 Luật này.

4. Người tập lái xe ô tô, người dự sát hạch lái xe ô tô khi tham gia giao thông phải thực hành trên xe tập lái, xe sát hạch trên tuyến đường tập lái, tuyến đường sát hạch, có giáo viên dạy lái hoặc sát hạch viên bảo trợ tay lái.

Điều 50. Giấy phép lái xe

1. Giấy phép lái xe được cấp cho người điều khiển xe mô tô, xe ô tô, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, phương tiện giao thông thông minh tham gia giao thông đường bộ.

2. Người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật được cấp giấy phép lái xe mô tô; người khuyết tật điều khiển xe ô tô có cơ cấu điều khiển phù hợp với tình trạng khuyết tật được cấp giấy phép lái xe ô tô.

3. Thời hạn của giấy phép lái xe:

a) Giấy phép lái xe mô tô không thời hạn;

b) Giấy phép lái xe ô tô, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, phương tiện giao thông thông minh có thời hạn.

4. Trường hợp xe được thiết kế, cải tạo số chỗ ít hơn xe cùng kiểu loại, kích thước giới hạn tương đương thì hạng giấy phép lái xe được tính theo xe cùng kiểu loại, kích thước giới hạn tương đương.

5. Giấy phép lái xe có giá trị sử dụng trong phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bao gồm:

a) Giấy phép lái xe do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp;

b) Giấy phép lái xe quốc tế và giấy phép lái xe quốc gia phù hợp với loại xe được phép điều khiển do quốc gia là thành viên của Công ước của Liên hợp quốc về Giao thông đường bộ năm 1968 (sau đây gọi là Công ước Viên) cấp đối với người nước ngoài;

c) Giấy phép lái xe phù hợp với loại xe được phép điều khiển của nước hoặc vùng lãnh thổ mà Việt Nam ký cam kết công nhận giấy phép lái xe của nhau;

d) Giấy phép lái xe nước ngoài phù hợp với loại xe được phép điều khiển do quốc gia được công nhận theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

6. Giấy phép lái xe không có hiệu lực trong các trường hợp:

a) Giấy phép lái xe hết thời hạn sử dụng;

b) Giấy phép lái xe có Quyết định thu hồi theo quy định tại khoản 3 Điều 54 của Luật này.

7. Giấy phép lái xe quốc tế

a) Giấy phép lái xe quốc tế là giấy phép lái xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của các nước tham gia Công ước Viên cấp theo một mẫu thống nhất; có thời hạn không quá 3 năm kể từ ngày cấp và phải phù hợp với thời hạn còn hiệu lực của giấy phép lái xe quốc gia;

b) Người có giấy phép lái xe quốc tế do các nước tham gia Công ước Viên cấp khi lái xe tham gia giao thông trên lãnh thổ Việt Nam phải mang theo giấy phép lái xe quốc tế và giấy phép lái xe quốc gia được cấp phù hợp với hạng xe điều khiển, còn thời hạn sử dụng; phải tuân thủ pháp luật giao thông đường bộ của Việt Nam;

c) Người có giấy phép lái xe quốc tế vi phạm pháp luật giao thông đường bộ Việt Nam mà bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe có thời hạn thì thời gian bị tước quyền sử dụng không quá thời gian người lái xe được phép cư trú tại lãnh thổ Việt Nam;

d) Người Việt Nam hoặc người nước ngoài có thẻ thường trú hoặc thẻ tạm trú tại Việt Nam có giấy phép lái xe do Việt Nam hoặc các nước là thành viên Điều ước Quốc tế mà Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên cấp, còn giá trị sử dụng, nếu có nhu cầu được cấp giấy phép lái xe quốc tế.

8. Chính phủ quy định chi tiết về hạng giấy phép lái xe, thời hạn giấy phép lái xe quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

9. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết hình thức của giấy phép lái xe và giấy phép lái xe quốc tế; quy định trình tự thủ tục cấp và sử dụng giấy phép lái xe và giấy phép lái xe quốc tế.

Điều 51. Tuổi, sức khỏe của người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ

1. Độ tuổi của người lái xe quy định như sau:

a) Người đủ 16 tuổi trở lên được điều khiển xe gắn máy;

b) Người đủ 18 tuổi trở lên được điều khiển xe mô tô, xe ô tô, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, phương tiện giao thông thông minh, xe máy chuyên dùng.

2. Chính phủ quy định chi tiết điểm b khoản 1 Điều này.

3. Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn sức khỏe, khám sức khỏe đối với người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng; khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô; xây dựng cơ sở dữ liệu về khám sức khỏe của người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng.

Điều 52. Đào tạo lái xe

1. Người có độ tuổi, sức khỏe đáp ứng quy định tại Điều 51 của Luật này để được cấp giấy phép lái xe phải được đào tạo theo nội dung lý thuyết và thực hành theo chương trình đào tạo quy định cho từng hạng giấy phép lái xe.

2. Người học lái xe phải được đào tạo tại các cơ sở đào tạo lái xe hoặc các hình thức đào tạo theo quy định để cấp mới hoặc nâng hạng giấy phép lái xe.

3. Cơ sở đào tạo lái xe phải đáp ứng các điều kiện do Chính phủ quy định; có giáo trình, giáo án theo quy định; thực hiện đào tạo theo đúng hình thức, nội dung và chương trình quy định cho từng hạng giấy phép lái xe.

4. Người có nhu cầu được đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe phải có đủ thời gian lái xe an toàn quy định cho từng hạng giấy phép lái xe; người có nhu cầu được đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe chở người trên 10 chỗ ngồi phải có trình độ từ trung học cơ sở trở lên.

5. Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện của cơ sở đào tạo lái xe, các hình thức đào tạo lái xe khác; quy định trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá để cấp, cấp lại và thu hồi giấy phép xe tập lái, giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe và giấy phép đào tạo lái xe; quy định đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe.

6. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định hình thức, nội dung, chương trình đào tạo lái xe, quy định tiêu chuẩn xe tập lái, đội ngũ giáo viên. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cơ sở đào tạo, tổ chức đào tạo lái xe cho lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

7. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo quy định nội dung, chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông, hướng dẫn kỹ năng lái xe gắn máy an toàn cho học sinh từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi tham gia giao thông.

Điều 53. Sát hạch lái xe

1. Người đã hoàn thành chương trình đào tạo lái xe, đủ điều kiện được đăng ký để tham dự kỳ sát hạch tại Trung tâm sát hạch lái xe, trừ các hình thức sát hạch khác do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định.

2. Trung tâm sát hạch lái xe là đơn vị cung cấp dịch vụ sát hạch lái xe; phải đáp ứng các điều kiện do Chính phủ quy định và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ; phải sử dụng thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin và chịu sự giám sát các nội dung sát hạch của cơ quan quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe.

Hoạt động tổ chức sát hạch lái xe là dịch vụ công do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện; tổ chức sát hạch lái xe ô tô phải thực hiện tại các Trung tâm sát hạch lái xe; tổ chức sát hạch lái xe mô tô có thể thực hiện tại các sân tập lái đáp

ứng điều kiện, tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, kỹ thuật theo quy định; trừ các hình thức sát hạch khác theo quy định.

3. Nội dung sát hạch lái xe phải phù hợp với hạng giấy phép lái xe và chương trình đào tạo.

4. Việc sát hạch lái xe do Sát hạch viên chịu trách nhiệm. Sát hạch viên phải có đủ điều kiện, tiêu chuẩn, được tập huấn, cấp thẻ Sát hạch viên theo quy định và phải chịu trách nhiệm về kết quả sát hạch của mình.

5. Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá để cấp, cấp lại và thu hồi giấy phép sát hạch cho Trung tâm sát hạch lái xe; điều kiện sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô.

6. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định hình thức, nội dung, quy trình sát hạch để cấp giấy phép lái xe; điều kiện, tiêu chuẩn sát hạch viên, tổ chức tập huấn, cấp thẻ sát hạch viên; tiêu chuẩn kỹ thuật sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch lái xe cho lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Điều 54. Cấp, đổi, cấp lại và thu hồi giấy phép lái xe

1. Giấy phép lái xe được cấp cho người tham dự kỳ sát hạch có kết quả đạt yêu cầu.

2. Người có giấy phép lái xe được cấp đổi, cấp lại giấy phép lái xe trong các trường hợp sau:

- a) Giấy phép lái xe bị mất;
- b) Giấy phép lái xe bị hỏng không còn sử dụng được;
- c) Theo thời hạn ghi trên giấy phép lái xe;
- d) Thay đổi thông tin ghi trên giấy phép lái xe;
- đ) Giấy phép lái xe nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp còn giá trị sử dụng;
- e) Giấy phép lái xe do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cấp mà người được cấp không còn làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

3. Giấy phép lái xe thu hồi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Người được cấp giấy phép lái xe không đủ điều kiện sức khỏe theo kết luận của cơ quan y tế đối với từng hạng giấy phép lái xe;

b) Giấy phép lái xe được cấp sai quy định;

c) Giấy phép lái xe đã quá thời hạn tạm giữ hoặc hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt theo quy định nếu người vi phạm không đến nhận mà không có lý do chính đáng.

4. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục về cấp, đổi, cấp lại và thu hồi giấy phép lái xe. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép lái xe cho lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Điều 55. Đào tạo, kiểm tra cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng

1. Người có nhu cầu cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ đăng ký với cơ sở đào tạo lái xe ô tô để được đào tạo bảo đảm nội dung, chương trình và kiểm tra cấp chứng chỉ theo quy định.

2. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định hình thức, nội dung, chương trình đào tạo; kiểm tra và thủ tục cấp, đổi, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng.

Điều 56. Thời gian làm việc của người lái xe ô tô kinh doanh vận tải và vận tải nội bộ

1. Thời gian làm việc của người lái xe phải bảo đảm theo quy định của Bộ luật Lao động.

2. Thời gian lái xe liên tục, thời gian dừng nghỉ giữa hai lần lái xe

a) Từ 06 giờ đến 22 giờ: Thời gian lái xe liên tục không quá 240 phút; thời gian dừng nghỉ giữa hai lần lái xe tối thiểu 05 phút đối với lái xe taxi, xe buýt và 15 phút đối với lái xe vận tải nội bộ, các loại hình kinh doanh vận tải còn lại;

b) Từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau: Thời gian lái xe liên tục không quá 180 phút; thời gian dừng nghỉ giữa hai lần lái xe tối thiểu 30 phút đối với lái xe vận tải nội bộ và các loại hình kinh doanh vận tải.

3. Tổng thời gian lái xe trong một ngày không quá 480 phút.

4. Đơn vị kinh doanh vận tải, đơn vị vận tải nội bộ và người lái xe chịu trách nhiệm thực hiện các quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 57. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong vận chuyển hành khách bằng xe ô tô

Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe vận chuyển hành khách phải thực hiện các quy định sau đây:

1. Đón, trả hành khách đúng nơi quy định; hướng dẫn sử dụng trang thiết bị an toàn trên xe; có biện pháp giữ gìn vệ sinh trong xe.

2. Vận chuyển hành khách đúng lịch trình, lộ trình đã đăng ký, trừ trường hợp bất khả kháng.

3. Không chở hành khách trên nóc xe, trong khoang chở hành lý hoặc để hành khách đu, bám bên ngoài xe.

4. Không chở hàng nguy hiểm, hàng cấm, hàng lậu, động thực vật hoang dã, hàng có mùi hôi thối hoặc động vật, hàng hóa khác có ảnh hưởng đến sức khỏe của hành khách, môi trường.

5. Không chở hành khách, hành lý, hàng hóa vượt quá trọng tải, số người theo quy định.

6. Không chở hàng hóa trong khoang chở hành khách.

Điều 58. Trách nhiệm của người lái xe, nhân viên phục vụ trên xe ô tô vận chuyển hành khách

1. Trước khi cho xe khởi hành phải kiểm tra các điều kiện bảo đảm an toàn của xe, hướng dẫn cho hành khách về an toàn giao thông và thoát hiểm khi gặp sự cố, yêu cầu hành khách thắt dây đai an toàn.

2. Kiểm tra việc sắp xếp, chằng buộc hành lý, hàng hóa bảo đảm an toàn.

3. Giữ gìn trật tự, vệ sinh trong xe.

Điều 59. Trách nhiệm của người lái xe vận chuyển hàng hoá bằng xe ô tô

1. Kiểm tra các điều kiện bảo đảm an toàn của xe trước khi tham gia giao thông.

2. Khi vận chuyển hàng hóa, lái xe phải mang giấy tờ theo quy định của pháp luật.

3. Kiểm tra việc sắp xếp hàng hóa bảo đảm an toàn; không chở quá khối lượng hàng hoá cho phép hoặc vượt quá khổ giới hạn của xe.

Chương V**TUẦN TRA, KIỂM SOÁT VỀ TRẬT TỰ,
AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ****Điều 60. Tuần tra, kiểm soát****1. Nội dung tuần tra, kiểm soát**

a) Quan sát, nắm tình hình người, phương tiện tham gia giao thông đường bộ; tình hình trật tự, an toàn giao thông đường bộ, an ninh, trật tự trên tuyến giao thông đường bộ;

b) Dùng phương tiện tham gia giao thông, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định tại khoản 3 Điều 3 và Điều 61 Luật này nhằm phát hiện, ngăn chặn, xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và vi phạm pháp luật khác;

c) Điều khiển giao thông theo quy định tại khoản 3 Điều 67 Luật này;

d) Điều tra, giải quyết tai nạn giao thông theo quy định của Luật này;

đ) Đấu tranh phòng, chống tội phạm hoạt động trên tuyến giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật;

e) Phát hiện những sơ hở, thiếu sót, bất cập trong quản lý nhà nước về giao thông đường bộ, tổ chức giao thông đường bộ, nguyên nhân dẫn đến mất trật tự, an toàn giao thông đường bộ, thông báo cơ quan chức năng hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền kiến nghị với cơ quan chức năng có biện pháp khắc phục;

g) Hướng dẫn, tuyên truyền, vận động người tham gia giao thông chấp hành pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

h) Giúp đỡ, hỗ trợ người, phương tiện tham gia giao thông đường bộ khi cần thiết;

i) Tham gia phòng, chống khủng bố, dịch bệnh, thiên tai, hỏa hoạn, cứu nạn, cứu hộ;

k) Các nội dung công tác khác theo quy định của pháp luật.

2. Hình thức tuần tra, kiểm soát

a) Kiểm soát thông qua hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ; phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ; thiết bị chỉ huy giao thông thông minh;

b) Tổ chức lực lượng trực tiếp tuần tra, kiểm soát trên tuyến giao thông đường bộ.

3. Lực lượng thực hiện tuần tra, kiểm soát

a) Lực lượng Cảnh sát giao thông;

b) Lực lượng khác được Công an nhân dân huy động tham gia phối hợp với Cảnh sát giao thông thực hiện tuần tra, kiểm soát về trật tự, an toàn giao thông đường bộ trong trường hợp cần thiết.

Việc phối hợp phải trên cơ sở nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng được huy động theo quy định của pháp luật, quyết định của cấp có thẩm quyền và phù hợp với thực tế nhiệm vụ;

c) Lực lượng kiểm soát quân sự, kiểm tra xe quân sự thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện tuần tra, kiểm soát xe cơ giới quân sự, xe máy chuyên dùng quân sự và người điều khiển xe cơ giới quân sự, xe máy chuyên dùng quân sự tham gia giao thông.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát giao thông khi thực hiện tuần tra, kiểm soát

a) Thực hiện các nội dung tuần tra, kiểm soát theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Huy động người, phương tiện, thiết bị dân sự trong trường hợp cấp bách; di chuyển phương tiện vi phạm dừng, đỗ trên đường bộ gây cản trở, ùn tắc giao thông hoặc nguy cơ dẫn đến tai nạn giao thông theo quy định tại Điều 63 Luật này;

c) Sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, thiết bị chỉ huy giao thông thông minh, vũ khí, công cụ hỗ trợ theo quy định tại Điều 64 Luật này;

d) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật Công an nhân dân và quy định của pháp luật có liên quan.

5. Trách nhiệm của lực lượng thực hiện tuần tra, kiểm soát

a) Tuân thủ quy định của pháp luật và mệnh lệnh, kế hoạch tuần tra, kiểm soát của cấp có thẩm quyền;

b) Tôn trọng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

c) Kiên quyết đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và vi phạm pháp luật khác;

d) Chịu trách nhiệm về quyết định, hành vi của mình theo quy định của pháp luật.

6. Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết khoản 2, điểm b khoản 3 Điều này; quy định quy trình tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông.

Điều 61. Căn cứ dừng phương tiện tham gia giao thông đường bộ để kiểm tra, kiểm soát

1. Cảnh sát giao thông được dừng phương tiện tham gia giao thông đường bộ để kiểm tra, kiểm soát thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc có căn cứ xác định có hành vi vi phạm pháp luật;

b) Những hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ mà buộc phải dừng phương tiện để kiểm soát trực tiếp mới phát hiện được, gồm: Điều khiển phương tiện tham gia giao thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn, trong cơ thể có chất ma túy hoặc các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng; điều kiện của phương tiện tham gia giao thông đường bộ; điều kiện của người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ; quy định về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong vận tải đường bộ;

c) Phục vụ bảo đảm an ninh, trật tự; phòng, chống thiên tai, hỏa hoạn; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống dịch bệnh;

d) Có tin báo, tố giác, phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về tội phạm, hành vi vi phạm pháp luật khác.

2. Trường hợp thông tin giấy tờ của người, phương tiện tham gia giao thông đường bộ đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử, thẻ căn cước thì việc kiểm tra, kiểm soát được thực hiện thông qua xác thực các thông tin, giấy tờ đó trên tài khoản định danh điện tử.

Điều 62. Phát hiện vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

Việc phát hiện vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ thực hiện theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và thông qua:

1. Vận hành, sử dụng hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ; phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, thiết bị chỉ huy giao thông thông minh; cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; hệ thống camera điều hành giao thông; thiết bị giám sát hành trình; thiết bị thu thập dữ liệu, hình ảnh người lái xe, dữ liệu, hình ảnh bảo đảm an toàn hành trình theo quy định.

2. Tiếp nhận, xử lý tin báo, phản ánh, kiến nghị, dữ liệu thu thập được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật của tổ chức, cá nhân.

3. Quan sát, kiểm tra, kiểm soát, đối chiếu trực tiếp của người thực thi công vụ.

4. Biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 63. Huy động người, phương tiện, thiết bị dân sự trong trường hợp cấp bách; di chuyển phương tiện vi phạm dừng, đỗ trên đường bộ gây cản trở, ùn tắc giao thông hoặc nguy cơ dẫn đến tai nạn giao thông

1. Huy động người, phương tiện, thiết bị dân sự trong trường hợp cấp bách

a) Khi thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát, chỉ huy, điều khiển giao thông, giải quyết tai nạn giao thông, trong trường hợp cấp bách để bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội hoặc để ngăn chặn hậu quả thiệt hại cho xã hội đang xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra, lực lượng Cảnh sát giao thông được huy động người, phương tiện, thiết bị dân sự và người đang sử dụng, điều khiển phương tiện, thiết bị đó.

Trong trường hợp cấp bách theo quy định tại điểm này, cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát giao thông đề nghị tổ chức, cá nhân nước ngoài hỗ trợ, giúp đỡ để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

b) Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát giao thông huy động người, phương tiện, thiết bị có trách nhiệm hoàn trả ngay sau khi trường hợp cấp bách chấm dứt. Trường hợp người, phương tiện, thiết bị được huy động làm nhiệm vụ bị thiệt hại thì được hưởng chế độ, chính sách, đền bù; đơn vị có cán bộ, chiến sĩ huy động có trách nhiệm giải quyết việc đền bù theo quy định của pháp luật.

2. Di chuyển phương tiện vi phạm dừng, đỗ trên đường bộ gây cản trở, ùn tắc giao thông hoặc nguy cơ dẫn đến tai nạn giao thông

a) Khi phát hiện phương tiện vi phạm dừng, đỗ trên đường bộ gây cản trở, ùn tắc giao thông, nguy cơ dẫn đến tai nạn giao thông nhưng người điều khiển phương tiện, chủ phương tiện không có mặt tại nơi xảy ra vi phạm thì cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát giao thông đang thi hành công vụ thực hiện việc di chuyển phương tiện vi phạm ra khỏi vị trí dừng, đỗ trên.

Trường hợp không đủ điều kiện thì đơn vị, cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát giao thông được thuê tổ chức, cá nhân thực hiện việc di chuyển phương tiện đó; người điều khiển phương tiện phải trả chi phí cho việc thuê di chuyển phương tiện;

b) Trong quá trình thực hiện việc di chuyển phương tiện theo quy định tại điểm a khoản này mà gây hư hỏng, đơn vị của cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát giao thông, tổ chức, cá nhân được thuê thực hiện việc di chuyển phương tiện phải đền bù theo quy định của pháp luật.

Điều 64. Trang bị, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ; thiết bị chỉ huy giao thông thông minh; vũ khí, công cụ hỗ trợ

1. Lực lượng Cảnh sát giao thông được trang bị phương tiện giao thông đường bộ; phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hiện đại; vũ khí, công cụ hỗ trợ theo yêu cầu thực tiễn và sự phát triển của khoa học công nghệ để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, thiết bị chỉ huy giao thông thông minh, thiết bị lưu trữ dữ liệu do tổ chức, cá nhân cung cấp để phân tích, đánh giá, dự báo tình hình trật tự, an toàn giao thông đường bộ, phát hiện vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và các vi phạm pháp luật khác theo quy định của pháp luật.

Phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, thiết bị chỉ huy giao thông thông minh phải được quản lý, sử dụng theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, pháp luật có liên quan.

3. Xây dựng, quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông

a) Hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ là hệ thống thu thập tín hiệu, dữ liệu, âm thanh, hình ảnh về tình trạng công trình giao thông, hành trình của phương tiện và các dữ liệu liên quan khác được xây dựng, lắp đặt trên các tuyến giao thông đường bộ

theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để giám sát tình hình an ninh, trật tự, an toàn giao thông; phát hiện vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và vi phạm pháp luật khác;

b) Việc quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông phải tuân thủ đúng quy trình, quy tắc, bảo đảm hoạt động liên tục và kết nối với Trung tâm chỉ huy giao thông;

c) Dữ liệu thu thập được từ Hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông phải được quản lý theo quy định của pháp luật; bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân và tổ chức; sử dụng để xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và các vi phạm pháp luật khác; phục vụ công tác quản lý nhà nước;

d) Bộ trưởng Bộ Công an ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; quy định xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, thiết bị chỉ huy giao thông thông minh.

4. Sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ

Lực lượng Cảnh sát giao thông được sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Điều 65. Quyền và trách nhiệm của người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ

1. Khi dừng phương tiện theo yêu cầu của lực lượng thực hiện tuần tra, kiểm soát, người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ có quyền sau đây:

a) Được thông báo về căn cứ dừng phương tiện tham gia giao thông đường bộ để kiểm soát; nội dung và kết quả kiểm soát; hành vi vi phạm pháp luật và biện pháp xử lý (nếu có);

b) Khiếu nại, khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật;

c) Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của lực lượng thực hiện tuần tra, kiểm soát theo quy định của pháp luật về tố cáo;

d) Phản ánh, tố giác, báo tin những trường hợp vi phạm pháp luật.

2. Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ có trách nhiệm sau đây:

a) Chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

b) Chấp hành hiệu lệnh dừng phương tiện tham gia giao thông đường bộ, yêu cầu kiểm tra, kiểm soát của lực lượng thực hiện tuần tra, kiểm soát.

Điều 66. Ngăn chặn hành vi gây tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, tính mạng, sức khỏe, chống người thi hành công vụ

1. Giải thích cho người vi phạm biết rõ về hành vi vi phạm pháp luật; thuyết phục, yêu cầu chấm dứt ngay hành vi vi phạm; chấp hành yêu cầu kiểm tra, kiểm soát; giải thích rõ quyền và trách nhiệm của họ.

Trường hợp người điều khiển phương tiện giao thông đường bộ không chấp hành tín hiệu, hiệu lệnh dừng phương tiện, bỏ chạy thì người thi hành công vụ được thực hiện quyền truy đuổi để xử lý vi phạm.

2. Áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong trường hợp người vi phạm không chấp hành mệnh lệnh, yêu cầu kiểm tra, kiểm soát của người thi hành công vụ tuần tra, kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp người vi phạm có hành vi chống người thi hành công vụ thì tùy theo tình huống, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi, người thi hành công vụ được sử dụng vũ lực, công cụ hỗ trợ hoặc vũ khí theo quy định của pháp luật để ngăn chặn hành vi vi phạm và phòng vệ chính đáng.

Chương VI

CHỈ HUY, ĐIỀU KHIỂN GIAO THÔNG

BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 67. Chỉ huy, điều khiển giao thông

1. Chỉ huy giao thông là hoạt động thu thập, phân tích, đánh giá các yếu tố có liên quan đến giao thông đường bộ của cơ quan chức năng, người có thẩm quyền nhằm chỉ huy hoạt động giao thông đường bộ bảo đảm trật tự, an toàn. Chỉ huy giao thông được thực hiện thông qua:

a) Hoạt động chỉ huy điều khiển giao thông của người điều khiển giao thông;

b) Trung tâm chỉ huy giao thông;

c) Thiết bị chỉ huy giao thông thông minh.

2. Trung tâm chỉ huy giao thông là nơi thu thập, lưu trữ, phân tích, xử lý dữ liệu và cung cấp thông tin tình hình giao thông phục vụ chỉ huy, điều hành giao thông, giải quyết tai nạn giao thông, tuân tra kiểm soát về trật tự, an toàn giao thông, đấu tranh phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác liên quan tới giao thông đường bộ; cung cấp thông tin về tình trạng giao thông cho người tham gia giao thông; nghiên cứu giải pháp bảo đảm giao thông đường bộ an toàn, thông suốt;

Trung tâm chỉ huy giao thông do lực lượng Cảnh sát giao thông quản lý, vận hành, khai thác; hoạt động thường xuyên, liên tục. Trung tâm chỉ huy giao thông quốc gia kết nối với Trung tâm chỉ huy giao thông địa phương và chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành. Trung tâm chỉ huy giao thông gồm các công trình xây dựng, các hệ thống thiết bị công nghệ:

a) Hệ thống đèn tín hiệu giao thông đường bộ;

b) Hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

c) Hệ thống cơ sở dữ liệu điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ;

d) Hệ thống kết nối, tiếp nhận dữ liệu chia sẻ dữ liệu thiết bị giám sát hành trình;

đ) Cơ sở dữ liệu khác theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật này.

3. Điều khiển giao thông là hoạt động của cơ quan, người có thẩm quyền điều khiển giao thông để chỉ huy hoạt động giao thông đường bộ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông. Điều khiển giao thông được thực hiện thông qua:

a) Điều khiển hệ thống đèn tín hiệu giao thông và các báo hiệu đường bộ khác; điều khiển thiết bị chỉ huy giao thông thông minh;

b) Đặt biển báo hiệu tạm thời, tín hiệu tạm thời, phân lại luồng, phân lại tuyến, nơi dừng xe, đỗ xe khi có tình huống đột xuất quy định tại khoản 1 Điều 68 Luật này;

c) Bố trí người điều khiển giao thông để hướng dẫn người và phương tiện tham gia giao thông.

4. Bộ trưởng Bộ Công an ban hành quy chuẩn kỹ thuật; quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ dữ liệu, khai thác Trung tâm chỉ huy giao thông; quy định chi tiết về điều khiển giao thông.

Điều 68. Giải quyết tình huống đột xuất gây mất an toàn giao thông trên đường bộ

1. Tình huống đột xuất trên đường bộ gồm: Ùn tắc giao thông, tai nạn giao thông; hư hỏng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; thiên tai, cháy, nổ gây mất an toàn giao thông; tình huống phức tạp về an ninh, trật tự trên đường bộ.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi phát hiện tình huống đột xuất trên đường bộ quy định tại khoản 1 Điều này, kịp thời báo cho cơ quan Công an nơi gần nhất hoặc cơ quan quản lý đường bộ theo quy định; trường hợp cần thiết có biện pháp báo ngay cho người tham gia giao thông biết.

3. Cơ quan Công an khi phát hiện, tiếp nhận thông tin về tình huống đột xuất trên đường bộ, có trách nhiệm:

a) Tổ chức ngay lực lượng đến nơi xảy ra tình huống đột xuất để chỉ huy, điều khiển giao thông theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 67 Luật này;

b) Thông báo cho người tham gia giao thông;

c) Trường hợp vượt quá khả năng, thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để giải quyết;

d) Thực hiện các biện pháp khác theo quy định của pháp luật.

4. Cơ quan quản lý đường bộ có trách nhiệm khắc phục kịp thời các hư hỏng về kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ gây mất an toàn.

5. Trường hợp xảy ra tai nạn giao thông đường bộ, thực hiện theo quy định tại Điều 74 Luật này.

Điều 69. Chỉ huy, điều khiển giao thông đối với trường hợp sử dụng lòng đường, hè phố vào mục đích khác

1. Lòng đường, hè phố được sử dụng cho mục đích giao thông. Trường hợp cần thiết được sử dụng phục vụ các sự kiện chính trị, hoạt động văn hoá, thể thao và mục đích khác, phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép sử dụng lòng đường, hè phố vào mục đích khác theo quy định và thông báo ngay cho cơ quan Cảnh sát giao thông làm nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trước khi thực hiện.

2. Cơ quan Cảnh sát giao thông có trách nhiệm:

a) Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; dẫn đoàn theo quy định;

b) Thông báo phương án phân luồng giao thông tạm thời;

c) Giải quyết các tình huống gây mất an ninh, trật tự.

3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

Điều 70. Chỉ huy, điều khiển giao thông đối với trường hợp vận chuyển hàng hóa siêu trường, siêu trọng, xe vận chuyển hàng nguy hiểm, xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng và xe ô tô của người nước ngoài đăng ký tại nước ngoài có tay lái ở bên phải tham gia giao thông tại Việt Nam

1. Cơ quan cấp phép vận chuyển hàng hóa siêu trường, siêu trọng, hàng nguy hiểm trên đường bộ, xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng có trách nhiệm gửi giấy phép đến cơ quan Cảnh sát giao thông ngay sau khi cấp phép. Cơ quan Cảnh sát giao thông khi nhận được thông báo về việc vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng nguy hiểm, căn cứ vào quy mô, số lượng, khối lượng, tính chất nguy hiểm, thời gian, tuyến vận chuyển, lập kế hoạch để chỉ huy, điều khiển giao thông đường bộ bảo đảm trật tự, an toàn theo quy định. Tổ chức kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm về vận chuyển hàng hóa siêu trường, siêu trọng, hàng nguy hiểm; yêu cầu thay đổi thời gian, tuyến đường, tốc độ phù hợp khi xét thấy không bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

2. Cơ quan cấp phép xe ô tô của người nước ngoài đăng ký tại nước ngoài có tay lái ở bên phải tham gia giao thông tại Việt Nam phải thông báo ngay cho cơ quan Cảnh sát giao thông về cửa khẩu nhập cảnh, xuất cảnh, tuyến đường, thời gian, số lượng xe của đoàn, tổ chức cá nhân có trách nhiệm dẫn đường. Cơ quan Cảnh sát giao thông khi nhận được thông báo tổ chức phối hợp chỉ huy, điều khiển giao thông, kiểm tra, xử lý vi phạm bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Điều 71. Kiến nghị về an toàn giao thông đối với công trình đường bộ đang khai thác sử dụng

1. Cơ quan Cảnh sát giao thông khi tiếp nhận thông tin về các yếu tố có nguy cơ mất an toàn giao thông đối với công trình đường bộ đang khai thác, vận hành theo quy định tại khoản 1 Điều 68 Luật này hoặc thông qua thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, tổ chức khảo sát giao thông nếu phát hiện các yếu tố có nguy cơ mất an toàn đối với công trình giao thông đường bộ, các bất hợp lý về tổ chức giao thông, có trách nhiệm:

a) Xử lý, khắc phục trong phạm vi quản lý hoặc kiến nghị cơ quan quản lý công trình đường bộ xử lý, khắc phục kịp thời;

b) Trường hợp cần thiết, thực hiện theo khoản 1, khoản 3 Điều 67 Luật này hoặc tạm thời đình chỉ hoạt động giao thông tuyến đường nếu thấy không bảo đảm an toàn giao thông.

2. Cơ quan quản lý công trình đường bộ đang khai thác, vận hành có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, kiểm tra và có kế hoạch xử lý, khắc phục các yếu tố có nguy cơ mất an toàn đối với giao thông đường bộ theo quy định và thông báo kết quả xử lý, khắc phục cho cơ quan Cảnh sát giao thông, tổ chức, cá nhân đã kiến nghị;

b) Chịu trách nhiệm liên đới nếu để xảy ra hậu quả do hành vi không xử lý, khắc phục các yếu tố gây mất an toàn giao thông theo quy định tại điểm a khoản này.

Điều 72. Giải quyết ùn tắc giao thông

Cơ quan Cảnh sát giao thông khi tiếp nhận thông tin về ùn tắc giao thông phải tiến hành các biện pháp giải quyết theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 67 Luật này và có trách nhiệm:

1. Khảo sát, phân tích, đánh giá về tốc độ di chuyển, mật độ, lưu lượng phương tiện giao thông, bất hợp lý về tổ chức giao thông đường bộ để xác định quy luật, nguyên nhân, điều kiện xảy ra ùn tắc giao thông.

2. Chỉ huy, điều khiển giao thông và xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

3. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền về biện pháp phòng ngừa, giải quyết tình trạng ùn tắc giao thông.

Chương VII

GIẢI QUYẾT TAI NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 73. Trách nhiệm của người điều khiển phương tiện, người liên quan và người có mặt tại hiện trường vụ tai nạn giao thông đường bộ

1. Người điều khiển phương tiện, người liên quan đến vụ tai nạn giao thông đường bộ có trách nhiệm sau đây:

a) Dừng ngay phương tiện, cảnh báo nguy hiểm, giữ nguyên hiện trường, trợ giúp người bị nạn và báo tin cho cơ quan Công an, Y tế hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất;

b) Ở lại hiện trường vụ tai nạn giao thông cho đến khi người của cơ quan Công an đến, trừ trường hợp phải đi cấp cứu, đưa người bị nạn đi cấp cứu hoặc xét thấy bị đe dọa đến tính mạng, sức khỏe nhưng phải đến trình báo ngay cơ quan Công an, Ủy ban nhân dân nơi gần nhất;

c) Cung cấp thông tin xác định danh tính về bản thân, người liên quan đến vụ tai nạn giao thông và thông tin liên quan của vụ tai nạn giao thông cho cơ quan có thẩm quyền.

2. Người có mặt tại nơi xảy ra vụ tai nạn có trách nhiệm sau đây:

a) Bảo vệ hiện trường;

b) Giúp đỡ, cứu chữa kịp thời người bị nạn;

c) Báo tin ngay cho cơ quan Công an, Y tế hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất;

d) Bảo vệ tài sản của người bị nạn;

đ) Cung cấp thông tin liên quan về vụ tai nạn theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Người quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này nếu sử dụng phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông trong trường hợp không có phương tiện nào khác để đưa nạn nhân đi cấp cứu phải đánh dấu vị trí phương tiện, vị trí nạn nhân trên hiện trường không được làm thay đổi, mất dấu vết liên quan đến vụ tai nạn giao thông. Trường hợp có người chết phải giữ nguyên hiện trường và che đậy thi thể.

4. Người điều khiển phương tiện khác khi đi qua nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông có trách nhiệm chở người bị thương đi cấp cứu. Các xe ưu tiên, xe chở người được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao không bắt buộc thực hiện quy định tại khoản này.

Điều 74. Phát hiện, tiếp nhận, xử lý tin báo tai nạn giao thông đường bộ

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi phát hiện vụ tai nạn giao thông phải báo ngay cho cơ quan Công an, Y tế hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất.

2. Cơ quan Công an nơi gần nhất khi nhận được tin báo vụ tai nạn giao thông phải tổ chức ngay lực lượng đến hiện trường giải quyết vụ tai nạn giao thông theo quy định.

3. Cơ sở y tế cấp cứu ban đầu người bị nạn do tai nạn giao thông đường bộ có trách nhiệm báo ngay cho cơ quan Công an nơi gần nhất.

4. Doanh nghiệp bảo hiểm khi nhận được tin báo về vụ tai nạn giao thông phải trực tiếp hoặc ủy quyền cho người đại diện của doanh nghiệp đến hiện trường phối hợp với đơn vị giải quyết vụ tai nạn giao thông.

5. Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết khoản 2 Điều này.

Điều 75. Cứu nạn, cứu hộ khi xảy ra vụ tai nạn giao thông đường bộ

1. Cơ quan Công an chủ trì, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác phối hợp tổ chức lực lượng, công cụ, phương tiện nhanh chóng có mặt tại hiện trường để cứu nạn, cứu hộ. Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả vụ tai nạn giao thông, cơ quan Công an có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền để huy động lực lượng, phương tiện giải quyết vụ tai nạn giao thông trong trường hợp cần thiết.

2. Cơ sở Y tế phải bố trí, phân công người, phương tiện sẵn sàng và nhanh chóng có mặt tại hiện trường để sơ cứu, vận chuyển, cấp cứu nạn nhân sau khi tiếp nhận tin báo vụ tai nạn giao thông; hỗ trợ, cứu chữa nạn nhân bị tai nạn giao thông trong mọi trường hợp.

3. Trường hợp có người chết mà không rõ tung tích, không có thân nhân hoặc thân nhân không có khả năng chôn cất, sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều tra, giải quyết vụ tai nạn giao thông đồng ý cho chôn cất, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông có trách nhiệm tổ chức chôn cất.

4. Trường hợp tai nạn giao thông liên quan đến phương tiện giao thông chở hàng nguy hiểm phải thông báo ngay cho đơn vị chức năng về giải quyết hóa chất độc hại, vật liệu cháy nổ; đồng thời phong tỏa hiện trường nơi xảy ra tai nạn giao thông; tổ chức phân luồng giao thông, cấm người, phương tiện đi vào khu vực tai nạn.

Điều 76. Điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ

1. Nguyên tắc điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ

a) Tất cả các vụ tai nạn giao thông xảy ra phải được điều tra, giải quyết nhanh chóng, kịp thời, chính xác, khách quan, đúng quy định của pháp luật;

b) Cơ quan Công an có thẩm quyền chịu trách nhiệm tổ chức điều tra, giải quyết tai nạn giao thông theo quy định của pháp luật; trường hợp vụ tai nạn giao thông liên quan đến người, phương tiện do Quân đội quản lý có dấu hiệu tội phạm thì chuyển cho Cơ quan điều tra quân sự điều tra, giải quyết. Các tổ chức, cá nhân liên quan đến vụ tai nạn giao thông có trách nhiệm phối hợp giải quyết;

c) Không lợi dụng công tác điều tra, giải quyết tai nạn giao thông để xâm phạm lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

d) Đối với các vụ tai nạn giao thông liên quan đến người và phương tiện của các cơ quan ngoại giao có trụ sở tại Việt Nam thì thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam.

2. Nội dung điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ

a) Kiểm tra nồng độ cồn, chất ma túy và các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng của người điều khiển phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông;

b) Khám nghiệm hiện trường, phương tiện, tử thi, công trình đường bộ, thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu điện tử liên quan đến vụ tai nạn giao thông;

c) Tạm giữ phương tiện, đồ vật, thông tin, tài liệu, giấy phép, chứng chỉ hành nghề của người điều khiển phương tiện;

d) Ghi lời khai của những người điều khiển phương tiện; người bị nạn; người làm chứng và những người có liên quan khác trong vụ tai nạn giao thông;

đ) Xem xét dấu vết trên thân thể người bị nạn; kiểm tra, xác minh phương tiện, người điều khiển phương tiện; hành khách, hàng hóa vận chuyển và các loại giấy tờ khác có liên quan;

e) Giám định chuyên môn; dựng lại hiện trường.

3. Kết luận vụ tai nạn giao thông: Xác định diễn biến, nguyên nhân, lỗi và điều kiện liên quan trực tiếp đến vụ tai nạn giao thông và đề xuất, kiến nghị.

Đề xuất xử lý vụ tai nạn giao thông và kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân khắc phục những sơ hở, thiếu sót nhằm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

4. Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ của lực lượng Cảnh sát giao thông.

Điều 77. Thống kê tai nạn giao thông đường bộ

1. Thông tin về tai nạn giao thông đường bộ phải được thống kê chính xác, đầy đủ, kịp thời.
2. Các cơ quan có thẩm quyền điều tra, giải quyết tai nạn giao thông có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu, kết quả điều tra, giải quyết cho cơ quan Cảnh sát giao thông có thẩm quyền để phục vụ thống kê, tổng hợp về tai nạn giao thông.
3. Kết quả thống kê, tổng hợp về tai nạn giao thông phục vụ nghiên cứu, đề ra các giải pháp phòng ngừa tai nạn giao thông.
4. Chính phủ quy định trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành về số liệu thống kê tai nạn giao thông đường bộ.

Chương VIII**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TRẬT TỰ,
AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ****Điều 78. Nội dung quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ**

1. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.
2. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.
3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.
4. Quản lý phương tiện giao thông đường bộ.
5. Quản lý người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ.
6. Chỉ huy, điều khiển giao thông đường bộ.
7. Điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ.
8. Tuân tra, kiểm soát, xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

9. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

10. Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện về công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

11. Thống kê, tổng hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

12. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

13. Hợp tác quốc tế về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Điều 79. Trách nhiệm quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; xây dựng lực lượng Cảnh sát giao thông chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

3. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Công an chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; chịu trách nhiệm trước Chính phủ quản lý nhà nước về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới theo quy định của Luật này.

4. Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về phương tiện và người điều khiển phương tiện cho lực lượng quân đội làm nhiệm vụ quốc phòng.

5. Bộ Y tế có trách nhiệm quản lý điều kiện về sức khỏe của người lái xe tham gia giao thông; cung cấp thông tin thống kê người bị tai nạn giao thông đường bộ cho Bộ Công an.

6. Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

7. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ tại địa phương.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 80. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2024.
2. Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Điều 81. Quy định chuyển tiếp

1. Giấy phép lái xe được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành vẫn có giá trị sử dụng theo thời hạn ghi trên Giấy phép lái xe.
2. Giấy phép lái xe không thời hạn được cấp trước ngày 01 tháng 7 năm 2012 phải được đổi sang giấy phép lái xe mới theo lộ trình do Chính phủ quy định.
3. Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành vẫn có giá trị sử dụng./.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa....., kỳ họp thứ..... thông qua ngày.....tháng.....năm.....